**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

**TỔ: SỬ- ĐỊA- GDCD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT, KHỐI LỚP: 10**

(Năm học 2022 - 2023)

1. **Đặc điểm tình hình**
2. **Số lớp:** 10**; Số học sinh**: 418**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 0**
   1. **Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 7; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 ; Đại học: 6 ; Trên đại học: 0;
   2. **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt:07; Khá: 0 ; Đạt: 0; Chưa đạt: 0
   3. **Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thực hành | Ghi chú |
| 1 | * Hình ảnh minh họa về các mô hình sản xuất, kinh doanh. * Máy chiếu, video về các mô hình sản xuất kinh doanh. | 4 | - Mô hình kinh tế phù hợp với yêu cầu của cá nhân, tổ chức. |  |
| 2 | * Máy chiếu, ti vi, video về các hoạt động tiêu dùng. * Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng | 5 |  |  |
| 2 | * Sơ đồ hệ thống chính trị Việt Nam * Hiến pháp nước CHXHCNVN 2013 * Máy chiếu, video về hoạt động giáo dục phổ biến pháp luật, các tình huống pháp luật thường gặp trong cuộc sống. | 6 |  |  |

* 1. **Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Phòng học bộ môn | 1 | Hướng dẫn các bước lựa chọn các mô hình kinh doanh qua các hình ảnh, video…. |  |
| 2 | … |  |  |  |

1. **Kế hoạch dạy học**
   1. **Phân phối chươngtrình**

**Bảng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện chương trình khối lớp 10- Năm học: 2022-2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kì I:** |  |  | **Phần 1 : Giáo dục kinh tế** | | | |  |  |
| **STT** | **Chủ đề/ bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | | | | |  |
| **Về kiến thức** | **Về phẩm chất** | **Về năng lực** | | | **Ghi chú** |
|  | **Năng lực chung.** | **Năng lực đặc thù.** | |
| **1** | Bài 1: Các hoạt động kinh tế ca bản trong đờisống xã hội | **1,2,3**  **(3)** | * Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tếcơ bản trong đời sống xã hội. * Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. * Nhận biết được trách nhiệm của công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế. | Yêu nước thông qua tin tưởng, chấp hành pháp luật về kinh tế.  Nhân ái (NA), Nhân ái trong các hành vi tiêu dùng  giải cứu nông sản. | Tự chủ- tự học (TC–  TH)chủ động nắm bắt yêu cầu bài học và khám phá kiến thức mới,Giao tiếp (GT) | Điều  chỉnh hành vi (ĐCHV)+ Có ý  thức tìm tòi, học hỏi về các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.  + Hiểu và thực hiện được trách nhiệm của công dân trong các hoạt động kinh tế theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.  + Phê | |  |
|  |  |  | Chăm chỉ (CC), | Hợp tác (HT), |
|  |  |  | Chăm chỉ khi | Tự tin trình bày |
|  |  |  | tham gia các hoạt | quan điểm về các |
|  |  |  | động kinh tế. | hoạt động kinh tế, |
|  |  |  | Trung thực (TT), | hợp tác với nhóm |
|  |  |  | Trách nhiệm (TN) | để thực hiện |
|  |  |  | Trung thực, trách nhiệm khi tham gia | nhiệm vụ học  tập.giải quyết vấn đề sáng tạo |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | vào các hoạt động kinh tế. | (GQVĐ | phán, đấu tranh với những hoạt động kinh tế trái pháp luật, trái đạo đức. |  |
|  |  | , phát triển bản thân(PTBT),(TH– TG)  Tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế xã hội.+ Hướng đến tiêu dùng thông minh. |
|  |  | -Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội: |
|  |  | +Tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. |
|  |  | + Bước đầu giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. |
| **2** | Bài 2: Các chủthể của nền kinh tế | **4,5,6**  **(3)** | – Nhận biết được chủ thể tham gia trong nền kinh tế, vai trò của các chủ thể khi tham gia  nền kinh tế. | Chăm chỉ: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường.  Trách nhiệm: Nhận biết được vai trò của | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc  nhóm để thực hiện những hoạt động | + Năng lực điều  chỉnh hành vi: Có nhận thức đúng đắn về vai trò của từng chủ thể, có những việc làm phù hợp với các quan hệ kinh tế khi mình tham gia. |  |
|  |  |  | – Xác định được vai trò của bản thân và gia đình với tư cách là chủ thể tham gia trong nền |
|  |  |  | kinh tế. |
|  |  |  | –Nhận biết được trách nhiệm công dân trong |
|  |  |  | khi tham gia các hoạt động kinh tế. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **-** Tìm tòi học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. | các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình. | học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế. | + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Tích cực, tự giác và nghiêm túc thực  hiện tốt chính sách  phát triển của nhà nước. | |  |
| **3** | Bài 3: Thị trường | **7,8,9**  **(3)** | * Nêu được khái niệm thị trường. * Liệt kê được các loại thị trường và chức nǎng của thị trường. * Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. | Chăm chỉ: Thường xuyên tìm hiểu  tình hình thị trường ở địa  phương từ đó có những điều chỉnh thích hợp để phù hợp với bản thân. Trách nhiệm: Thể hiện ở việc học sinh có ý thức tôn trọng các chủ thể kinh tế khi tham gia vào thị trường, có thái độ và ứng xử phù hợp | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thị trường.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về thị trường.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thị trường. | | + Năng lực điều  chỉnh hành vi: Tự giác điều chỉnh việc làm của bản thân cho phù hợp với các diễn biến của thị trường  + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế  - xã hội: Tham gia có trách nhiệm vào các hoạt động kinh tế, sản xuất, kinh doanh. Đấu tranh với các hành vi trái pháp luật kinh  doanh |  |
| **4** | Bài 4: Cơ chếthị trường | 10,11,  12  (3) | * Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường. * Nêu được khái niệm và chức nǎng của giá cả thị trường. | Chăm chỉ: Thường xuyên tìm hiểu, nắm bắt các diễn biến của thị trường để có  những cách ứng xử, hành vi viêu dùng | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc | | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Học sinh có thái độ, hành vi, việc làm phù hợp khi |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | * Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. * Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. | hợp lý  Trách nhiệm: Tôn trọng tác động khách quen của cơ chế thị trường, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia vào thị  trường | | nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về tình hình giá cả một loại hàng hoá trên thị trường ở địa phương.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến cơ chế thị trường. | tham gia vào các quan hệ thị trường, chủ động thích ứng với những yêu cầu, đòi hỏi của cơ chế thị trường.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế  - xã hội: Có nhận thức đúng đắn về cơ chế thị trường, tích cực, chủ động, tham gia một cách có hiệu quả vào thị  trường. |  |
| **5** | Bài 5: Ngân sách nhà nnớc | 13,14,  15  (3) | * Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nnớc. * Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật ngân sách. * Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu,chi ngân sách. | Trung thực: Thực hiện tốt các quy định của pháp luật khi tham gia các hoạt động kinh doanh. Trách nhiệm:  Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu chi ngân sách. | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập về ngân sách nhà nước.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan đến ngân sách nhà nước. | | + Năng lực điều  chỉnh hành vi: thể hiện thông qua việc đánh giá được những việc làm của bản thân, gia đình và người khác trong việc thực hiện pháp luật về ngân.  + Năng lực tìm |  |
|  |  |  |  | hiểu và tham gia |
|  |  |  |  | hoạt động kinh tế |
|  |  |  |  | - xã hội: tham gia |
|  |  |  |  | tích cực vào các |
|  |  |  |  | hoạt động kinh tế |
|  |  |  |  | của gia đình, và |
|  |  |  |  | bản thân nhằm góp |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | phần thực hiện tốt  pháp luật về ngân sách. |  |
| **6** | Bài 6: Thuế | 16,17  (2) | * Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế. * Gọi được tên một số loại thuế phổ biến. * Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về | *Trung thực:* Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về thuế khi tham gia các  hoạt động kinh doanh.  *Trách nhiệm:* Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế | + Tự chủ và tự học đê’ có những kiến thức cơ bản về thuế.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế. | + Năng lực điều chỉnh hành vi thể hiện thông qua việc thường xuyên ủng hộ những hành vi  chấp hành tốt, phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.  + Năng lực tự nhận thức bản thân: Hiểu được sự cần thiết của việc thu thuế, có nhận thức đúng đắn về pháp luật thuế |  |
|  |  |  | quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện |
|  |  |  | pháp luật thuế. |
|  |  |  | – Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê |
|  |  |  | phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế |
| **7** | Ôn tập giữa  kì | 18  (1) | Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp | Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao  Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực,  chủ động để hoàn thành | *+ Tự chủ và tự học* để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra  *+ Giao tiếp và hợp tác*  trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ | *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia  vào các hoạt động kinh tế đó |  |
|  |  |  | 10; học sinh biết được khả năng học tập của |
|  |  |  | mình so với yêu cầu của chương trình |
|  |  |  | - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp |
|  |  |  | mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình |
|  |  |  | dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương |
|  |  |  | pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù |
|  |  |  | hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về |
|  |  |  | phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. |
|  |  |  | -Vận dụng được các kiến thức đã học vào |
|  |  |  | trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho |
|  |  |  | bản thân. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | * Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, * HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình.   – | được nhiệm vụ học tập của bản thân.  Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra. | được phân công.  *+ Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. | *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. |  |
| **8** | Kiểm tra giữa kỳ 1 | 19  (1) | – |  |  |  |  |
| **9** | Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh | 20,21,  22,23,  24  (5) | * Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh. * Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. * Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. | Chăm chỉ: Biết tìm hiểu và học tập các mô hình kinh doanh có hiệu quả để áp dụng cho bản thân để mang lại thu nhập hợp pháp  Có trách nhiệm trong việc tạo dưng và chuẩn bị nghề nghệp  cho bản thân sau khi ra trường, chủ | - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học đê’ có những kiến thức cơ bản về thuế.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế | + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội: Học sinh biết tìm hiểu, đánh giá và có khả năng tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân.  + Năng lực điều chỉnh hành vi của  bản thân từ đó |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | động mô hình làm kinh tế hiệu quả |  | có định hướng cho bản thân mình trong việc lựa chọn  nghề nghiệp và việc làm sau khi ra trường |  |
| **10** | Bài 8: Tín dṇng và vai trò của tín dṇng trong đời sống | 25,25  (2) | * Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng. * Nhận biết được những vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình và xã hội.   – | Trung thực: Sử dụng đúng đắn và hiệu quả  các loại hình tín dụng vào hoạt động sản xuất và tiêu dùng  Trách nhiệm: Sẵn sàng tham gia và chịu trách nhiệm khi tham gia vào các loại hình tín dụng. | - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tín dụng.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đê' và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hoạt động tín dụng. | + Năng lực điều  chỉnh hành vi: thể hiện thông qua việc đánh giá được những việc làm của bản thân, gia đình và người khác trong việc sử dụng các loại tín dụng một cách hiệu quả nhất.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế  - xã hội: tham gia và sử dụng có hiệu quả các loại hình tín dụng phù hợp với gia đình.  + Tự nhận thức bản thân: Đánh giá được một số loại tín dụng có thể phù hợp và hiệu quả với bản  thân và gia đình |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | mình |  |
| **11** | Bài 9: Dịch vụ tín dṇng | 27,28,  29  (3) | * Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số dịch vụ tín dụng. * Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng. * Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng.   – | Trung thực: Sử dụng đúng đắn và hiệu quả  các dịch vụ tín dụng vào hoạt động sản xuất và tiêu dùng  Trách nhiệm: Sẵn sàng tham gia và sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng. | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các dịch vụ tín dụng.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sử dụng dịch vụ tín dụng. | +Năng lực điều  chỉnh hành vi: thể hiện thông qua việc đánh giá được những việc làm của bản thân, gia đình và người khác trong việc sử dụng dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả nhất.  +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế  - xã hội: tham gia và sử dụng có hiệu quả các loại hình tín dụng phù hợp với gia đình.  +Tự nhận thức bản thân: Đánh giá được một số dịch vụ tín dụng có thể phù hợp và hiệu quả với bản thân và gia đình mình |  |
| **12** | Bài 10: Lập kế hoạch tài  chính cá nhân | 30,31,  32,33,  34  (5) | * Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhânvà tầm quan trọng của việ c lập kế hoạch tài chính cá nhân. * Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài | *Chăm chỉ:*  Thường xuyên đánh giá và điều chỉnh hoạt động thu nhập của bản thân để thực | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch tài chính cá nhân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động | + Năng lực điều chỉnh hành vi thông qua việc xây dựng kế hoạch tài chính  của bản thân mình để có những điều |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | chính cá nhân.  – Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân.  – Kiểm soát được tài chính cá nhân | hiện cho được kế hoạch tài  chính của mình.  *Trách nhiệm:* Biết lập kế hoạch cá nhân một cách có trách nhiệm và có ý thức trong việc hoàn thành kế hoạch tài chính đã đặt ra. | học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. | chỉnh bản thân cho phù hợp nhằm thực hiện  tốt kế hoạch đề ra  + Lập kế hoạch phát triển bản thân: Tự đặt ra được mục tiêu, kế hoạch, biện pháp học tập, rèn luyện và kế hoạch tài chính phù hợp của bản thân |  |
| **13** | Ôn tập cuối kì I | 35  (1) | * Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình * Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.   -Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.   * Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, * HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình.   – | *Trung thực:* Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.  *Chăm chỉ:* Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những | *+ Tự chủ và tự học* để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra  *+ Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  *+ Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. | *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó  *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra. | |  | | hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này. | |  |
| **14** | Kiểm tra cuối kì I | 36  (1) | – |  | |  | |  | |  |
| **Kì II,** | **Phần 2: Giáo dục pháp luật** | | |  |  |  |  |  |  | |
| **15** | Bài 11: | 37,38 | * Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. * Tự giác thực hiện các quy định pháp luật. * Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. | Yêu nước:  Tích cực, chủ động vận động người khác thực  hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật  Trách nhiệm: Tích | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điếm, vai trò của pháp luật.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến pháp luật. | | +Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc  chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước  +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về Hiến pháp, pháp luật, hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | | |  |
|  | Kháiniệm, |  |
|  | đặc điểm | (2) |
|  | và vai trò |  |
|  | của pháp |  |
|  | luật |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | cực, tự giác và nghiêm túc chấp hành kỉ luật, pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật. |  |  |  |
| **16** | Bài 12: Hệ thống pháp luật và vǎn bản pháp  luậtViệt Nam | 39,40  (2) | * Nêu được hệ thống pháp luật Việt Nam và vǎn bản pháp luật Việt Nam. * Kể tên được các vǎn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam | Yêu nước:  Tích cực, chủ động vận động người khác thực  hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà | + Tự chủ và tự học đế có những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập. | +Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật  +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu  được các kiến thức cơ |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật  Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành pháp luật  đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.  Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính  trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật | + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến văn bản pháp luật Việt Nam. | bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. |  |
| **17** | Bài 13:  Thực hiện pháp luật | 41,42  (2) | * Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. * Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. * Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. | Yêu nước:  Tích cực, chủ động vận động người khác thực  hiện các quy định của pháp luật.  Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành  pháp luật | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật của bản thân và người khác.  + Năng lực phát triển bản thân: Vận dụng các quy định của pháp luật để thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp,  pháp luật. | và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hình thức thực hiện pháp luật. | dân. |  |
| **18** | Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩaViệt Nam | 43,44  (2) | * Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam tronghệ thống pháp luật Việt Nam. * Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể phù hợp với lứa tuổi. | *Yêu nước:*  Tích cực, chủ động sống và làm việc theo Hiến pháp, đấu tranh với các âm mưu, hành động nhằm xâm phạm đến các quyền và nghĩa vụ  công dân đã được quy định trong Hiến pháp *Trách nhiệm:* Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ  thống chính | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Hiến pháp năm 2013.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân theo quy định của Hiến pháp; hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Hiểu được một số vấn đề cơ bản Hiến pháp, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền và nghĩa vụ công dân; trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng đất nước. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội  chủ nghĩa Việt Nam . |  |  |  |
| **19** | Bài 15: Nội dung cơ bản  của Hiến pháp về chếđộ chính trị | 45,46  (2) | * Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị nước CHXHCN Việt Nam. * Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị; phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị. * Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. | Yêu nước: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng quy định của  Hiến pháp về chế độ chính trị, phê phán các hành vi vi phạm quy định của  Hiến pháp về chế độ chính trị  Trách nhiệm: Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của  Hiến pháp về chế độ chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp lứa tuổi. | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị nước Việt Nam. | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác tìm hiểu, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của  công dân trong việc tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị  + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia  các hoạt động góp phần xây dựng bộ máy nhà nước, tham gia bảo vệ chế độ chính trị bằng những việc làm phù hợp**.** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **20** | Bài 16: Quyềncon ngnời, quyền và nghĩa vṇ ca bản của công dân trong Hiến pháp | 47,48,  49  (3) | * Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam về quyền con ngnời, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. * Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. * Thực hiện các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với độ tuổi | *Nhân ái:*  Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của  mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân và người khác *Trách nhiệm:* Có thái độ đồng tình, ủng hộ với các hành vi thực hiện đúng, lên án những hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ  cơ bản của công dân. | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013. | *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Có ý thức tự giác thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi cụ thể phù hợp với lứa tuổi  *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động*  *kinh tế - xã hội* : Tích  cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân bằng những việc làm phù hợp**.** |  |
| **21** | Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, vǎn hoá, xã | 50,51  (2) | * Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam về kinh tế, vǎn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường. * Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp. | Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013. | + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế  - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | hội, giáo dṇc,khoa học, công nghệ , môi trường |  | – Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về kinh tế, vǎn hoá xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. | động trong việc phát  triển kinh  tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường.  Trách nhiệm: Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật; đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật  của bản thân và người khác về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học,  công nghệ và môi trường. | + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường. | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định của pháp luật kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường. |  |
| **22** | Ôn tập giữa học kì II | 52  (1) | * Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ II lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình * Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù   hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về | Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao. | *+ Tự chủ và tự học* để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách | *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những việc làm đúng, việc làm chưa đúng theo các chuẩn mực pháp luật. Biết tự giác tham gia vào xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, có ý thức tự giác |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.  -Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.   * Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá hành vi, việc làm theo đúng các chuẩn mực pháp luật, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật * HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình. | Trách nhiệm: Có trách  nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.  Chăm chỉ:  Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời  sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra. | báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra  *+ Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  *+ Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. | thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật  *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập không ngừng tìm hiểu nâng cao hiểu biết về pháp luật, về bộ máy nhà nước, về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hình thành ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.Tích cực tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt Hiến pháp và pháp luật. |  |
| **23** | Kiểm tra giữa học kì II | 53  (1) | – |  |  |  |  |
| **24** | Bài 18: Nội dung cơ bản  của Hiến pháp về bộ máy  nhà nước | 54,55  (2) | * Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. * Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước. | Yêu nước: Tích cực,  chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013. | + Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế  - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước bằng những việc làm phù hợp |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam |  | – Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cṇ thể, phù hợp với lứa tuổi. | và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của  Hiến pháp về bộ máy nhà nước. | + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. |  |
| **25** | Bài 19: Đặc điểm, cấu trúcvà nguyên  tắc hoạt độngcủa hệ thống  chính trị Việt Nam | 56,57,  58  (3) | * Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắctổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam. * Phê phán và đấu tranh với các hành vi chống phá hệ thống chính trị Việt Nam. * Thự c hiệ n được nghĩa vụ công dân trong việc bảo vệ , xây dựng và hoàn thiệ n hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những việ c làm cụthể, phù hợp với quy định của pháp luật | Yêu nước: Tích cực,  chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở địa bằng những việc làm phù hợp Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối  với những hành vi thực | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học  và trong thực tiễn cuộc sống liên quan | +Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế  - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước bằng những việc làm phù hợp  +Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi  chống phá, làm tổn hại đến lợi ích | đến hệ thống chính trị Việt Nam. |  |  |
| **26** | Bài 20: Đặc điểm, nguyêntắc tổ chức và hoạt động  của bộ máy nhà nnớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩaViệt Nam | 59,60,  61  (3) | * Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. * Phê phán, đấu tranh với các hành vi chống phá Nhà nước. * Thực hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ , xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. | Yêu nước: Tích cực,  chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi  phạm quy | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản vể đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt  Nam. | Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và  củng cố bộ máy nhà nước bằng những việc làm phù hợp  Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | định của  Hiến pháp về bộ máy nhà nước. |  |  |  |
| **27** | Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 62,63,  64  (3) | * Nêu được chức nǎng, cơ cấu tổ chức vàhoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.   + Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước.   + Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước bằng những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. | *Yêu nước*: Tích cực,  chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam; *Trách nhiệm:* Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của  Hiến pháp về  bộ máy nhà nước. | + Tự chủ và tự học đê’ có những kiến thức cơ bản về Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ. | *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội* : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và  củng cố bộ máy nhà nước.  *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những việc làm phù hợp. |  |
| **28** | Bài 22: Toà ánnhân dân và Viện kiểm sát nhân dân | 65,66  (2) | * Nêu được chức nǎng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. * Phê phán, đấu tranh đối với các hành vi sai trái liên quan đến Toà án nhân dân, Việ nkiểm | *Yêu nước*: Tích cực,  chủ động vận động người khác tham gia  các hoạt | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân  dân. | *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội* : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và  củng cố Tòa án nhân dân, |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | sát nhân dân.  – Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bằng những hành vi phù hợp quy định của pháp luật. | động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam; *Trách nhiệm:* Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của  Hiến pháp về bộ máy nhà nước. | + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. | Viện kiểm sát nhân dân .  *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bằng những việc làm phù hợp |  |
| **29** | Bài 23: Hội đồng nhân dân và Uỷ bannhân dân | 67,68  (2**)** | * Nêu được chức nǎng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân. * Có thái độ phê phán, không đồng tình với các hành vi tiêu cực đối với Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân. * Thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân bằng các hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. | *Yêu nước*: Tin tưởng, sẵn sàng thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân trong mối quan hệ với hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân;  *Trách nhiệm:* Có thái độ đồng tình, | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan | *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội* : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và  củng cố Bộ máy chính quyền ở cơ sở .  *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân đối trong mối quan hệ với Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân nơi  mình sinh sống bằng |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của  Hiến pháp và pháp luật về hoạt động và tổ chức của hội đồng nhân dân và  ủy ban nhân dân. | đến Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân. | những việc làm phù hợp |  |
| **30** | Ôn tập cuối kì II | 69  (1) | * Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ II lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình * Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.   -Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.   * Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá hành vi, việc làm theo đúng các chuẩn mực pháp luật, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật * HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình. | Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao  Trách nhiệm: Có trách  nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.  Chăm chỉ: Chăm chỉ học | *+ Tự chủ và tự học* để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra  *+ Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  *+ Giải quyết vấn đề* | *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những việc làm đúng, việc làm chưa đúng theo các chuẩn mực pháp luật. Biết tự giác tham gia vào xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, có ý thức tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật  *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập không ngừng tìm hiểu nâng cao hiểu biết về pháp luật, về bộ máy nhà nước, về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hình thành ý thức |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | – | tập, rèn  luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao  trong bài  kiểm tra. | và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. | sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.Tích cực tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt Hiến pháp và pháp luật |  |
| **31** | Kiểm tra cuối kì II | 70  (1) | – |  |  |  |  |

**2.2 Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | | | | | | |  |
| **Về kiến thức** | **Về phẩm chất** | **Về năng lực** | | | **Ghi chú** | |
| **Năng lực chung** | **Năng lực đặc thù** | |
| **Chuyên đề 1: Tình yêu, hôn nhân 10 và gia đình** | | | | | | |  | |  | |
| **1** | **Bài 1: Tình yêu** | 1,2,3  (3) | Hiểu được thế nào là tình yêu chân chính vàmột số điều  cần tránh trong tình yêu. | Nhân ái, trách nhiệm trước những vấn đề liên quan tới tình yêu. | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tình yêu.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, thiết kế áp phích tuyên  truyền về những điều cần tránh trong tình | Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân:  + Có kĩ năng xử lí đúng đắn trước những vấn đề liên quan đến tình yêu.  + ủng hộ tình yêu chân chính, phê phán những biểu hiện cần tránh | |  | |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | yêu.  + Giải quyết vấn để và sáng tạo trước những tình huống liên quan  đến tình yêu. | trong tình yêu. | |  |
| **2** | **Bài 2: Hôn nhân** | 4,5,6  (3) | * Nêu đnợc khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. * Nêu được những điểm cơ bản của chế độhôn nhân ở nước ta hiện nay. | Trung thực, có trách nhiệm trước những vấn đề liên quan tới hôn nhân. | + Tự chủ và tự học đê’ có những kiến thức cơ bản về hôn nhân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, xây dựng và biểu diễn một tiểu phẩm liên quan đến hôn nhân.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan  đến hôn nhân. | Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân:  + Có kĩ năng xử lí đúng đắn trước những vấn đề liên quan đến hôn nhân.  + Phê phán hôn nhân trái pháp luật. | |  |
| **3** | **Gia đình** | 7,8,9,10  (4) | – Nêu đnợc khái niệm gia đình và các chức nǎng của gia đình; những điểm cơ bản  của chế độ hôn nhân | * Nhân ái: Yêu thương gia đình. * Có trách nhiệm góp phẩn xây   dựng gia đình hạnh phúc. | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về gia đình.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, sân khấu hoá một kịch bản về chủ đề “Tình yêu, hôn nhân và gia đình”.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan đến gia đình. | Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Thực hiện đầy đủ trách nhiệm công dân trong gia đình. | |  |
|  |  |  | và gia đình ở nước |  |  | |
|  |  |  | tahiện nay. |  |  | |
|  |  |  | – Trình bày đnợc các |  |  | |
|  |  |  | yếu tố xây dựng gia |  |  | |
|  |  |  | đìnhhạnh phúc. |  |  | |
|  |  |  | – Xác định được trách nhiệ m của các |  |  | |
|  |  |  | thành viên trong mối |  |  | |
|  |  |  | quan hệ gia đình.  – Thực hiện được |  |  | |
|  |  |  | trách nhiệm của bản |  |  | |
|  |  |  | thân trong gia đình. |  |  | |
| **Chuyên đề 2: Mô hình sản xuất**  **kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.15** | | | | | | |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **4** | Bài 4: Những vấn đề  chung về doanh nghiệp nhỏ. | 11,12,13,  14,15,16,  17  (7) | * Nêu được khái niệm, thuận lợi, khó khǎn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ. * Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể. * Yêu thích hoạt động sản | * Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi. * Tự giác, tích cực, đoàn kết trong hoạt động tập thể, luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập. * Có trách nhiệm | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong  bài học và trong thực | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vê' hoạt động sản xuất kinh doanh;  + Năng lực phát triển bản thân: Bước đầu biết lựa chọn mô hình hoạt  động kinh tế thích hợp |  |
|  |  |  | xuất kinh doanh; chủ động | với bản thân, gia | tiễn cuộc sống liên | trong tương lai đối với |
|  |  |  | tìm hiểu kinh nghiệm sản xuất kinhdoanh của doanh nghiệp nhỏ. | đình, đất nước  trong việc lựa  chọn được mô hình sản xuất kinh | quan đến lựa chọn mô  hình sản xuất kinh  doanh của doanh nghiệp nhỏ. | bản thân.  + Năng lực tìm hiểu và  tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm |
|  |  |  |  | doanh phù hợp. |  | hiếu, tham gia và vận |
|  |  |  |  | - Yêu thích hoạt |  | động người khác tham |
|  |  |  |  | động sản xuất kinh |  | gia hoạt động sản xuất |
|  |  |  |  | doanh, chủ động |  | kinh doanh phù hợp với |
|  |  |  |  | tìm hiểu kinh |  | lứa tuổi; |
|  |  |  |  | nghiệm sản xuất |  |  |
|  |  |  |  | kinh doanh của |  |  |
|  |  |  |  | doanh nghiệp nhỏ. |  |  |
| **5** | Bài 5: Tổ chức, hoạt | 18,19,20 | – Lập được quy trình tổ | -Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia tổ chức hoạt động doanh nghiệp nhỏ phù hợp với lứa tuổi.  -Tự giác, tích cực, đoàn kết trong hoạt động tập thể, luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả  tốt trong học tập. | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong  bài học và trong thực | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vế tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ  + Năng lực phát triển bản thân: Bước đầu biết lựa chọn mô hình hoạt  động kinh tế thích hợp |  |
|  | động của doanh nghiệp  nhỏ. | 21,22,23  24,25. | chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.  – Phân tích được những |
|  |  |  | bài học thành công và thất |
|  |  | (8) | bại trong tổ chức, hoạt động  của doanhnghiệp nhỏ. |
|  |  |  | – Yêu thích hoạt động sản |
|  |  |  | xuất kinh doanh; chủ động |
|  |  |  | học hỏi quy trình tổ chức, |
|  |  |  | hoạt động và những bài |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | học thành công, thất bại của doanh nghiệp nhỏ. | -Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, đất nước trong việc lựa chọn được mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp.  -Yêu thích hoạt động sản xuẫt kinh doanh; chủ động tìm hiểu kinh nghiệm sản xuẫt kinh doanh của  doanh nghiệp nhỏ. | tiễn cuộc sống liên quan đến tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ. | trong tương lai đối với bản thân và quy trình tổ chức, hoạt động cho một doanh nghiệp nhỏ.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp vói lứa tuổi; |  |
| **Chuyên đề 3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự** | | **10** |  |  |  |  |  |
| **6** | Bài 6: Khái niệm và nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam. | 26,27,28  29,30  (5) | * Nêu được khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam. * Nhận biết đnợc tác hại, | - Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật hình sự.  -Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm đê’ thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến pháp luật hình sự Việt Nam | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc góp phần xây dựng pháp luật hình sự Việt Nam |  |
|  |  |  | hậu quả của hành vi vi |  |
|  |  |  | phạm pháp luật hình sự |  |
|  |  |  | trong các tình huống đơn |  |
|  |  |  | giản thường gặp. |  |
|  |  |  | – Nêu được ý kiến phân |  |
|  |  |  | tích, đánh giá trong thảo |  |
|  |  |  | luận, tranh luận về một số |  |
|  |  |  | vấn đề đơn giản thnờng gặp |  |
|  |  |  | liên quan đến pháp luật hình |  |
|  |  |  | sự . |  |
|  |  |  | – Tích cực, chủ động vận |  |
|  |  |  | động người khác chấp |  |
|  |  |  | hành các quy định của pháp |  |
|  |  |  | luật hình sự. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **7** | Bài 7: Pháp luật hình sự liên quan đến người  chưa thành niên | 31,32,33  34,35 | – Nêu được nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên  quan đến người chưa thành | * Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật hình sự. * Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam. | + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về pháp luật hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội. | + Năng lực điều chỉnh hành vi: Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự Việt Nam liên quan đến người chưa thành niên. |  |
|  |  | (5) | niên.  – Nhận biết được tác hại, |
|  |  |  | hậu quả của hành vi vi |
|  |  |  | phạm pháp luật hình sự |
|  |  |  | của người chưathành niên |
|  |  |  | trong các tình huống đơn |
|  |  |  | giản thường gặp. |
|  |  |  | – Nêu được ý kiến phân |
|  |  |  | tích, đánh giá trong thảo |
|  |  |  | luận, tranh luận về một số |
|  |  |  | vấn đề đơn giản thường |
|  |  |  | gặp liên quan đến người |
|  |  |  | chưa thành niên vi phạm |
|  |  |  | pháp luật hình sự .  – Tích cực, chủ động vận |
|  |  |  | động người chưa thành |
|  |  |  | niên chấp hành các quy |
|  |  |  | định của phápluật hình sự. |

1. *Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*
2. *Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*
3. *Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa Học kỳ I | 1 tiết | Tuần 9 | -Về kiến thức:  - Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa | Trắc nghiệm (70%) và tự luận (30%) |
|  |  |  | đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của |  |
|  |  |  | mình so với yêu cầu của chương trình |  |
|  |  |  | - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó |  |
|  |  |  | đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh |  |
|  |  |  | phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.  -Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.   * Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, * HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình. * Về phẩm chất: Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao   Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.  Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra   * Về năng lực: *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó   *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân  mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này |  |
| Cuối Học kỳ I | 1 tiết | Tuần 18 | * **a. Về kiến thức:** Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình * Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.   -Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.   * Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, * HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của | Trắc nghiệm (70%) và tự luận (30%) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | mình.  **b. Phẩm chất:**  Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao  Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.  Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.  ***c. Năng lực***  **- Năng lực đặc thù:**  *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó  *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân  mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này |  |
| Giữa Học kỳ II | 1 tiết | Tuần 26 | ***a. Kiến thức*:**   * Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình * Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.   -Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.   * Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác, * HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình.   ***b.* Phẩm chất:**  *Trung thực:* Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có | Trắc nghiệm (70%) và tự luận (30%) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao  *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.  *Chăm chỉ:* Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến  ***c. Năng lực***  *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó  *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân  mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này |  |
| Cuối Học kỳ II | 1 tiết | Tuần 35 | ***a.Kiến thức***   * Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ II lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình * Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.   -Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.   * Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá hành vi, việc làm theo đúng các chuẩn mực pháp luật, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật * HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình.   **b. Phẩm chất:**  Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao  Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.  Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến  thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để | Trắc nghiệm (70%) và tự luận (30%) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.  ***c. Năng lực***  **- Năng lực đặc thù:**  *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những việc làm đúng, việc làm chưa đúng theo các chuẩn mực pháp luật. Biết tự giác tham gia vào xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, có ý thức tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật  *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập không ngừng tìm hiểu nâng cao hiểu biết về pháp luật, về bộ máy nhà nước, về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hình thành ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.Tích cực tuyên truyền, vận động  mọi người cùng thực hiện tốt Hiến pháp và pháp luật. |  |

**3. Các nội dung khác:**

**-** Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường :

* Tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường
* Kế hoạch thao giảng:
* Đăng kí danh hiệu thi đua: Tổ lao động tiên tiến.

1. **KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2022 - 2023)

* 1. HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA
     1. **Khối lớp: 10 ; Số học sinh: 418**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề (1)** | **Yêu cầu cần đạt (2)** | **Số tiết (3)** | **Thời điểm (4)** | **Địa điểm (5)** | **Chủ trì (6)** | **Phối hợp (7)** | | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 | Sản xuất kinh  doanh và các mô hình sx | -Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.  -Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh | 3 | Tuần 11  Tháng 11  Năm 2022 | Nhà đa năng/ hội trường của trường. | Tổ trưởng CM,  nhóm trưởng,GV giảng dạy. | BGH,  thanh GVCN | Đoàn niên, | -Cơ sở vật chất,  loa, máy tính, mic, máy chiếu, |
|  | kinh doanh. ( |  |  |  |  |  |  | tranh ảnh liên |
|  | Nội dung lựa |  |  |  |  |  |  | quan… |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | chọn nghề  nghiệp trong tương lai) | doanh và đặc điểm của nó.  - Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. *Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*
2. *Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*
3. *Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*
4. *Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*
5. *Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*
6. *Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*
7. *Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

**TỔ TRƯỞNG**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Quảng Nam, ngày 17 tháng 9 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## Phụ lục I

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT Công văn số 13-2022 /BGDĐT-GDTrH&GDTX ngày 03 tháng 8 năm 2022*)

**TRƯỜNG:**THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

## TỔ CM: SỬ-ĐIA-GDCD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CHƯƠNG TRÌNH CỐT LÕI**

## MÔN HỌC : LỊCH SỬ, KHỐI 10

(Năm học 2022 - 2023)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tuần** | **Chủ đề/Bài học** | **Số tiết** | **Tiết PPCT** | **Yêu cầu cần đạt** |

## Thời lượng

* Cả năm: 52 tiết (36 tiết + 10 tiết thực hành lịch sử + 06 tiết ôn tập và kiểm tra định kỳ).
* Học kỳ 1: 18 tiết (12 tiết + 03 tiết thực hành lịch sử + 03 tiết ôn tập và kiểm tra định kỳ).
* Học kỳ 2: 34 tiết (24 tiết + 07 tiết thực hành lịch sử + 03 tiết ôn tập và kiểm tra định kỳ) Ghi chú:

+ Tiết thực hành lịch sử yêu cầu tổ chức 1 trong các hoạt động sau:

* Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa, tham quan di tích lịch sử, văn hoá.
* Tham quan các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử,...
* Tổ chức các câu lạc bộ: “Em yêu lịch sử”, “Nhà sử học trẻ tuổi”,...
* Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,...

+ Tiết kiểm tra định kỳ không đưa vào PPCT chi tiết (không ghi thứ tự tiết).

## Kiểm tra định kỳ

* Số bài kiểm tra định kỳ là 02 bài/học kỳ: Trong đó có 01 bài kiểm tra giữa học kỳ thời gian 45 phút, 01 bài kiểm tra cuối học kỳ thời gian 45 phút.
* Thời điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra giữa học kỳ: Giáo viên chủ động tổ chức kiểm tra theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

+ Kiểm tra cuối học kỳ: Giáo viên thực hiện kiểm tra theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

## Nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | | (4) | (5) | (6) |
| **CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC (3 TIẾT)** | | | | | | |
|  | ***Bài 1: Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử*** | | | 2 |  |  |
| 1 | 1 | **Lịch sử, hiện thực lịch sử và Lịch sử được con người nhận thức** Lịch sử   * Hiện thực lịch sử * Lịch sử được con người nhận thức | |  | 1 | * Trình bày được khái niệm lịch sử. * Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức. |
| 2 | 2 | **Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của Sử học** | |  | 2 | * Giải thích được khái niệm sử học. * Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học. * Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học. |
|  | **Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống** | | | 1 |  |  |
| 3 | 3 | ***Học tập và khám phá lịch sử suốt đời***   * sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời. * Thu thập thông tin, sử liệu làm giàu tri thức lịch sử. * Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống | |  | 3 | * Giải thích được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời. * Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử. * Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). * Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu   lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới. |
| **CHỦ ĐỀ 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC (2 TIẾT)** | | | | | | |
| 4 | **4** | ***- Sử học với công tác bảo tồn***  ***và phát huy giá trị văn hóa,*** | 2 | | 4 | - Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn  và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | ***di sản thiên nhiên.***   * Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá * Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn   hoá và di sản thiên nhiên. |  |  | - Có ý thức vận động các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá và di sản thiên nhiên ở địa phương. |
| 5 | **5** | **- Sử học với sự phát triển du lịch**   * Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch. * Vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch   sử, di sản văn hóa |  | 5 | * Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch. * Nêu được tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa. |
| 6 | **6** | **THỰC HÀNH** | 1 | 6 |  |
| **CHỦ ĐỀ 3. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI (5 TIẾT)** | | | | | |
| 7 | 7 | ***Bài 5: Khái niệm văn minh thế giới***   * *Khái niệm văn minh.* * *Phân biệt văn minh, văn hoá* | 1 | 7 | * Giải thích được khái niệm văn minh. * Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá. |
|  | ***Bài 6: Một số nền văn minh phương***  ***Đông*** | | 2 |  |  |
| 6 | 8 | ***- Văn minh Ai Cập***   * *Những thành tựu tiêu biểu* * *Ý nghĩa* |  | 8 | * Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. * Nêu được những thành tự tiêu biểu, ý nghĩa của văn minh |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, điêu khắc, kiến trúc |
| 7 | 9 | **Kiểm tra giữa kỳ 1** | 1 | 9 |  |
| 8 | 10 | **- Văn minh Trung Hoa**   * *Những thành tựu tiêu biểu* * *Ý nghĩa*   **- Văn minh Ấn Độ**   * Những thành tựu tiêu biểu * Ý nghĩa |  | 10 | * Nêu được những thành tự tiêu biểu, ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết,văn học, khoa học tự nhiên, y học,   tư tưởng, tôn giáo, thiên văn, lịch pháp.   * Nêu được những thành tự tiêu biểu, ý nghĩa của văn minh   Ấn độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo. |
|  | ***Bài 7: Một số nền văn minh phương Tây*** | | 2 |  |  |
| 9 | 11 | **Văn minh Hi Lạp – La Mã**   * Những thành tựu tiêu biểu * Ý nghĩa |  | 11 | * Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời cổ đại. * Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo,   thể thao. |
| 10 | 12 | **Văn minh thời Phục hưng**   * Những thành tựu tiêu biểu * Ý nghĩa |  | 12 | * Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời trung đại. * Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa   học kĩ thuật, thiên văn học. |
| 11 | 13,14 | **Thực hành lịch sử** | 2 | 13, 14 |  |
| **CHỦ ĐỀ 4. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 TIẾT)** | | | | | |
|  | ***Bài 8: Cách mạng công nghiệp thời kì***  ***cận đại*** | | 3 |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 12 | 15 | **Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.**  **-** Những thành tựu cơ bản |  | 15 | * Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. * Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp   lần thứ nhất. |
| 13 | 16 | **Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai.**  - Những thành tựu cơ bản |  | 16 | - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai. |
| 14 | 17 | **Ôn tập cuối kỳ 1** | 1 | 17 |  |
| 15 | 18 | **Kiểm tra cuối kỳ 1** | 1 | 18 |  |
| 16 | 19 | **Ý nghĩa và tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và thứ 2.**  **-** Kinh tế  - Về văn hóa, xã hội |  | 19 | **-** Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hoá. |
|  | ***Bài 9: Cách mạng công nghiệp thời kì***  ***hiện đại*** | | 3 |  |  |
| 17 | 19 | **Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba**  - Những thành tựu cơ bản |  | 20 | - Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba. |
| 18 | 20 | **Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư**  - Những thành tựu cơ bản |  | 21 | - Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. |
| 19 | 20 | **Ý nghĩa, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần**  **thứ ba và lần thứ tư.** |  | 22 | * Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hoá. * Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | * Kinh tế * Về văn hóa, xã hội |  |  | mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử.  - Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội. |
| **CHỦ ĐỀ 5. VĂN MINH ĐÔNG NAM Á (3 TIẾT)** | | | | | |
|  | ***Bài 11: Hành trình phát triển và thành***  ***tựu của văn minh Đông Nam Á*** | | 3 |  |  |
| 20 | 21 | **Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á.**  - Hành trình phát triển | 1 | 23 | * Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. * Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông   Nam Á. |
| 21 | 21 | Tín ngưỡng và tôn giáo. Văn  tự và văn học | 1 | 24 | - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông  Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học. |
| 22 | 22 | Kiến trúc và điêu khắc | 1 | 25 | * Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về kiến trúc và điêu khắc. * Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng. |
| **CHỦ ĐỀ 6. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858) (12 TIẾT)** | | | | | |
|  | ***Bài 12. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc*** | | 3 |  |  |
| 23 | 22,23 | * **Cơ sở hình thành** * **Những thành tựu tiêu biểu** |  | 26,27,28 | - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về  văn minh Văn Lang - Âu Lạc. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | * Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. * Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. |
|  | ***Bài 13. Văn minh Chăm Pa và Phù Nam*** | | 3 |  |  |
| 24 | 24, 25 | ***Văn minh Chăm Pa***  ***-*** *Cớ sở hình thành*   * *Những thành tựu tiêu biểu*   ***Văn minh Phù Nam***   * *Cớ sở hình thành* * *Những thành tựu tiêu biểu* |  | 29,30, 31 | * Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. * Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. * Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. * Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. * Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của nền VM cổ trên đất nước VN. Có ý thức trân trọng giá truyền thống và có trách nhiệm bảo tồn di sản   văn hóa của dân tộc. |
| 25 | 25, 26 | Thực hành lịch sử | 3 | 32, 33 |  |
| 26 | 26 | Kiểm tra giữa kỳ 2 | 1 | 34 |  |
|  | **Bài 14: Cơ sở hình thành và quá trình**  **phát triển của văn minh Đại Việt** | | 3 |  |  |
| 27 | 27,28 | * ***Khái niệm văn minh Đại Việt.*** * ***Cơ sở hình thành văn minh*** |  | 35,36,37 | * Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. * Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | ***Đại Việt.***  ***- Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.*** |  |  | đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ.  - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt. |
|  | **Bài 15: Một số thành tựu của văn minh**  **Đại Việt** | | 3 |  |  |
| 28 | 28 | Chính trị, kinh tế |  | 38 | - Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại  Việt về kinh tế, chính trị. |
| 29 | 29 | Văn hóa |  | 39 | - Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại  Việt về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa học. |
| 30 | 29 | Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong |  | 40 | * Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. * Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về   đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam. |
|  | 30 | Thực hành |  | 41, 42 |  |
| **CHỦ ĐỀ 7. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM (5 TIẾT)** | | | | | |
|  | **Bài 16: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam** | | 3 |  |  |
| 31 | 31 | * ***Thành phần dân tộc theo dân số.*** * ***Thành phần dân tộc theo***   ***theo ngữ hệ*** |  | 43 | * Nêu được thành phần dân tộc theo dân số. * Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ. |
| 32 | 31 | ***- Khái quát về đời sống vật***  ***chất và tinh thần của các dân*** |  | 44 | - Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng  đồng các dân tộc Việt Nam. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | ***tộc Việt Nam.***  - Đời sống vật chất |  |  |  |
| 33 | 31 | Đời sống tinh thần |  | 45 | - Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng  các dân tộc Việt Nam. |
|  | **Bài 17: Khối đại đoàn kết dân tộc trong**  **lịch sử Việt Nam** | | 2 |  |  |
| 34 | 32 | ***Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam***   * Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc. * Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.   Vai trò của khối đại đoàn kết  dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. | 1 | 46 | * Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. * Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. * Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. |
| 35 | 32 | ***Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay***   * Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc. * Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước | 1 | 47 | * Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. * Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh. * Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối   đại đoàn kết dân tộc. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 36 | 33, 34 | **Thực hành lịch sử** | 4 | 48,  49, 50 |  |
| 37 | 35 | **Ôn tập cuối học kỳ 2** | 1 | 51 |  |
| 38 | 35 | **Kiểm tra cuối học kỳ 2** | 1 | 52 |  |

1. **Kế hoạch dạy học**

## Phân phối chương trình

* + 1. **Chủ đề**

## Chuyên đề

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **(1)** | **Tuần**  **(2)** | **Chuyên đề**  **(3)** | **Số tiết**  **(4)** | **Tiết PPCT**  **(5)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(6)** |
| **CHUYÊN ĐỀ 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC (9 TIẾT)** | | | | | |
| 1 | **I. Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực.** | | 3 |  |  |
|  | 1,2,3 | **Khái quát về một số cách trình bày lịch sử truyền thống**   * Kể chuyện về quá khứ * Lịch sử biên niên   **Thông sử**   * Khái niệm * Nội dung chính   **Lịch sử theo lĩnh vực**   * Khái quát về lịch sử theo lĩnh vực * Ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực. |  | 1,2,3 | * Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. * Giải thích được khái niệm thông sử. * Nêu được nội dung chính của thông sử. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.**   * Lịch sử dân tộc * Lịch sử thế giới. |  |  | - Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử dân tộc.  Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch  sử thế giới |
|  | **II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam** | | 4 |  |  |
| 2 | 4 | Lịch sử văn hoá Việt Nam |  | 4 | * Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. * Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá Việt   Nam trên đường thời gian. |
| 3 | 5 | Lịch sử tư tưởng Việt Nam |  | 5 | * Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam. * Tóm tắt được nét chính của lịch sử tư tưởng   Việt Nam trên đường thời gian. |
| 4 | 6 | Lịch sử xã hội Việt Nam |  | 6 | * Tóm tắt được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên đường thời gian. * Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội. |
| 5 | 7 | Lịch sử kinh tế Việt Nam |  | 7 | * Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. * Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian. |
| 6 | 8,9 | Thực hành | 2 | 8,9 |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 7 | 10 | Kiểm tra | 1 | 10 |  |
| **CHUYÊN ĐỀ 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM (14 TIẾT)** | | | | | |
| 8 | 11,12 | Di sản văn hoá | 2 | 11, 12 | * Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. * Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. * Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. * Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc   phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. |
| 9 | 13,14,15 | II.Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá | 3 | 13,14, 15 | * Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. * Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. * Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. * Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức   bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | biện pháp bảo vệ di sản,...   * Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. * Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể. * Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa   phương và đất nước. |
|  | **III. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Việt Nam** | | 6 |  |  |
| 10 | 16, 17 | Di sản văn hoá phi vật thể |  | 16, 17 | * Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. * Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số   những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu. |
| 11 | 18, 19 | Di sản văn hoá vật thể |  | 18, 19 | * Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ. * Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di   sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu. |
| 12 | 20, 21 | Di sản thiên nhiên tiêu biểu. Di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam |  | 20,21 | * Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ. * Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | số những di sản thiên nhiên tiêu biểu.   * Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ. * Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong   số các di sản phức hợp tiêu biểu. |
| 13 | 22,23,24 | Thực hành | 3 | 22, 23, 24 |  |
| 14 | 25 | Kiểm tra | 1 | 5 |  |
| **CHUYÊN ĐỀ 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (19 TIẾT)** | | | | | |
| 15 | **I. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam**  **(trước năm 1858)** | | 2 |  |  |
|  | 26,27 | ***Một số mô hình nhà nước quân chủ. Một số bộ luật tiêu biểu*** |  | 26, 27 | * Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. * Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê   sơ, thời Nguyễn. |
| 16 | **II. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 –**  **1976)** | | 2 |  |  |
|  | 28,29 | ***Sự ra đời của Nhà nước VNDCCH.***  ***Đặc điểm và tính chất của nhà Nước VNDCCH.*** |  | 28, 29 | * Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. * Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. * Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | ***Vai trò của Nhà nước VNDCCH*** |  |  | nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.  - Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 - 1976. |
| 17 | **III. Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt**  **Nam từ năm 1976 đến nay** | | 1 |  |  |
|  | 30 | ***Sự ra đời của Nhà nước CHXHCNVN.***  ***Vai trò của Nhà nước CHXHCNVN***  ***trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.*** |  | 30 | * Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. * Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. * Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới   và hội nhập quốc tế. |
| 18 | ***IV. Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946***  ***đến nay*** | | 2 |  |  |
|  | 31,32 | **Sự ra dời của các bản Hiến pháp từ 1946 – nay.**  **Một số điểm chính của các bản Hiến Pháp Việt Nam.**  **Một số bản Hiến Pháp tiêu biểu** |  | 31,32 | * Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những   thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.   * Phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng   hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | máy Nhà nước,...   * Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ   công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,...   * Phân tích được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946- Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt   Nam. |
| 19 | 33,34 | Thực hành | 2 | 33,34 |  |
| 20 | 35 | Kiểm tra | 1 | 35 |  |

1. *Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*
2. *Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*
3. *Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

## Kiểm tra, đánh giá định kỳ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 |  | Dự án học tập |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 |  | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 |  | Dự án học tập |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 |  | Kiểm tra viết |

1. *Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*
2. *Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*
3. *Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*
4. *Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

## Ghi chú:

Với các lớp học chuyên đề nâng cao môn Lịch sử ( từ lớp 10…..10).

* Kỳ I: + Từ tuần 1 đến tuần 8 học 2 tiết cốt lõi/ tuần

+ Từ tuần 9 đến 16 theo học 2 tiết chuyên đề nâng cao/tuần.

+ Tuần 17 đến 18 học song song hai chương trình cốt lõi và nâng cao, ôn tập và Kiểm tra cuối kỳ.

* Kỳ II: + Từ tuần 19 đến tuần 25 học 2 tiết cốt lõi/ tuần và 1 tiết chuyên đề/uần

## Phê duyệt của Ban Giám hiệu:

**Đại Lộc, ngày 04 tháng 0 9 năm 2022 Tổ trưởng chuyên môn**

## TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN TỔ: SỬ - GDCD- ĐỊA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC: LỊCH SỬ. KHỐI LỚP: 11.**

(Năm học 2022 - 2023)

**Cả năm: 35 tuần (35 tiết) ( THỰC HỌC)**

**Học kỳ I**: 18 tuần (18 tiết)

**Học kỳ II**: 17 tuần (17 tiết )

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Chương/Bài học/ Chủ đề** | **Nội dungKT** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Hướng dẫn thực hiện ( Ghi chú)** |
|  | | | **Phần một: Lịch Sử Thế Giới cận đại (Tiếp theo)** | | | |
|  | | | **Chương I. Các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ la tinh từ giữa TK XIX đến đầu TK XX** | | | |
| 1 | 1 | Bài 1: Nhật Bản | Bài 1: Nhật Bản   1. Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868 2. Cuộc duy Tân Minh Trị. 3. Nhật bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa | **1. Về kiến thức**   * Hiểu rõ những cải cách của Thiên hoàng Minh Trị thực chất là một cuộc cách mạng tư sản, đưa nước Nhật phát triển sang giai đoạn ĐQCN. * Thấy được chính sách xâm lược của giới thống trị Nhật Bản cũng như các cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cuối thế kỉ XIX   – đầu thế kỉ XX.  **2. Về kĩ năng**  - Nắm vững và biết giải thích các khái niệm “ cải cách”, biết sử dụng lược đồ , kênh hình, sơ đồ để trình bày các sự kiện liên quan đến bài học.  **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của những chính sách cải cách đối với sự phát triển của xã hội, đồng thời giải thích được vì sao CNĐQ thường gắn với chiến tranh.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục 1. Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868: Chỉ giới thiệu những nét chính về tình hình Nhật Bản.  Mục 3. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa:   * Tập trung vào quá trình chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa * Nội dung về đời sống nhân dân và Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản: Đọc thêm |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 2 | 2 | Bài 2: Ấn Độ | Bài 2: Ấn Độ 1.Tình hình kinh tế , xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.  3.Đảng Quốc đại và phong trào dân tộc (1885-1908) | **1. Về kiến thức**   * Làm cho học sinh thấy được sự thống trị tàn bạo của thực dân Anh ở Ấn Độ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. * Hiểu được nguyên nhân của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở Ấn Độ, đặc biệt dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại. * So sánh được số phận của các nước cùng khu vực châu Á trong cùng thời điểm (Nhật Bản với Ấn Độ).  1. **Về kĩ năng:** Biết sử dụng lược đồ để trình bày diễn biến các cuộc đấu tranh tiêu biểu. 2. **Về thái độ, tư tưởng**  * Lên án sự thống trị dã man, tàn bạo của thực dân Anh đối với nhân dân Ấn Độ. * Đồng tình với tinh thần đấu tranh của nhân dân Ấn Độ chống đế quốc.   **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt   ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục 2. Cuộc khởi nghĩa Xipay (1857 - 1859): Không dạy  Mục 3. Đảng Quốc đại và phong trào dân tộc (1885 - 1908): Tập trung vào sự ra đời và hoạt động của Đảng Quốc đại. |
| 3 | 3 | Bài 3: Trung Quốc | Bài 3: Trung Quốc.  2. Phong trào đấu | **1. Về kiến thức**  - Làm cho học sinh thấy được sự suy yếu của chế độ phong kiến Mãn Thanh đã làm | Trên lớp và hướng  dẫn HS tự | Mục 1. Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược: Không thực hiện.  Mục 2. Phong trào đấu tranh của nhân |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | tranh của nhân dân Trung Quốc giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.  3.Tôn Trung Sơn và cách mạng Tân Hợi (1911) | cho Trung Quốc trở thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến. Nét chính về phong trào chống đế quốc và phong kiến của nhân dân Trung Quốc.   * Hiểu được bản chất của cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911, với sự lãnh đạo của Tôn Trung Sơn và học thuyết Tam Dân. * Các khái niệm “ Nửa thuộc địa, nửa phong kiến”; “ Vận động Duy Tân”…   **2. Về kĩ năng**   * Biết nhận xét, đánh giá trách nhiệm của triều đình phong kiến Mãn Thanh trong việc để Trung Quốc rơi vào tay cac nước đế quốc. * Biết sử dụng lược đồ Trung Quốc để trình bày các sự kiện: Phong trào Nghĩa Hòa Đoàn, cách mạng Tân Hợi.  1. **Về thái độ, tư tưởng:** Biểu lộ sự cảm thông, khâm phục đối với nhân dân Trung Quốc trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến, đặc biệt là cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911. 2. **Định hướng các năng lực hình thành**  * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện   chính kiến của mình. | học. | dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX: Hướng dẫn HS lập niên biểu |
| 4 | 4 | Bài 4. Các nước Đông Nam Á (Cuối thế kỉ XIX đến đầu thế | Bài 4: Các nước Đông Nam Á 1.Quá trình xâm lược của chủ | **1. Về kiến thức**  - Làm cho học sinh biết được nửa sau thế kỉ XIX, các nước đế quốc mở rộng và hoàn thành việc xâm lược các nước Đông | Trên lớp và hướng dẫn HS tự | Mục 2. Phong trào chống thực dân Hà Lan của nhân dân In-đônê-xi-a: Không dạy.  Mục 3. Phong trào chống thực dân |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | kỉ XX) | nghĩa thực dân vào các nước Đông Nam Á 2.Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á. | Nam Á; Phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á chống chủ nghĩa thực dân xâm lược.   * Hiểu được điểm chung trong cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á nói chung, nhân dân 3 nước Đông Dương nói riêng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. * Tiếp tục hiểu rộng hơn về số phận của các nước châu Á, cùng xuất phát điểm nhưng kết quả thân phận lại khác nhau tùy vào con đường lựa chọn của từng quốc gia.   **2. Về kĩ năng**   * Biết sử dụng lược đồ Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX để trình bày các sự kiện tiêu biểu * Rèn luyện kĩ năng so sánh, để chỉ ra được những nét chung, nét riêng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước trong khu vực.   **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Nhận thức đúng về thời kì phát triển sôi động của phong trào giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân. * Bồi dưỡng tinh thần đoàn kết, hữu nghị, ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của các nước trong khu vực. * Tăng cường tình hữu nghị đoàn kết giữa 3 dân tộc Đông Dương.   **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, | học. | Phi-lip-pin: Không dạy. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt  ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 5 | 5 | **Chủ đề : Tác dụng của các cuộc cải cách thời cận đại.** | 1. Các cuộc cải cách thời cận đại. 2.Tác dụng của các cuộc cải cách thời cận đại. | **1. Kiến thức**  Sau khi học xong bài, học sinh:   * Biết được những nét chính về các cuộc cải cách thời cậ đại.   + Cải cách Minh trị ở Nhật Bản.  + Cải cách ở Xiêm.  + Cải cách nông nô ở Nga.   * Đánh giá được tính chất, ý nghĩa của các cuộc cải cách. * Liên hệ với tình hình nước ta hiện nay.   **2. Kĩ năng:**   * Rèn luyện kĩ năng tư duy lô gic, xâu chuỗi sự kiện, các vấn đề lịch sử. * Kĩ năng thu thập và xử lý thông tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.   **3. Thái độ:**   * Giáo dục tư tưởng tiếp thu cái mới, thủ tiêu cái lạc hậu, lỗi thời. * Rút ra được bài học cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.   **4. Định hướng phát triển năng lực:**   * *Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác… * *Năng lực chuyên biệt:* | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | + Năng lực tái hiện những sự kiện lịch sử.  + Năng lực thực hành bộ môn: sưu tầm tư liệu, tranh ảnh…  + So sánh, phân tích đặc điểm tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở các nước. |  |  |
| 6 | 6 | Bài 5. Châu Phi và khu vực Mĩ latinh (Thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX) | Bài 5: Châu phi và khu vực Mĩ latinh.   1. Châu Phi 2. Khu vực Mĩ La-tinh | **1. Về kiến thức**   * Biết được quá tŕnh xâm lược châu Phi và khu vực Mĩ la tinh của các nước đế quốc, thực dân trong thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. * Hiểu rõ những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân châu Phi và khu vực Mĩ la tinh.   **2. Về kĩ năng**   * Biết sử dụng lược đồ châu Phi và khu vực Mĩ la tinh thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX để trình bày các sự kiện tiêu biểu * Phân biệt được những điểm giống và khác nhau của tình hình châu Phi và khu vực Mĩ la tinh.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Giáo dục tinh thần đoàn kết quốc tế và có thái độ đồng tình với phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước châu Phi và khu vực Mĩ la tinh.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt  ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
|  | | | **Chương II. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)** | | | |
| 7-8 | 7-8 | Bài 6. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) | Bài 6: Chiến tranh thế giới thứ  nhất…(T1) 1.Nguyên nhân dẫn đến chiến tranh   1. Diễn biến của chiến tranh 2. Kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất | **1. Về kiến thức**   * Hiểu rõ chiến tranh thế giới thứ nhất là biểu hiện của mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc. Giải thích được vì sao Đảng Bôn sê vích Nga đứng vững trước thử thách của chiến tranh. * Hiểu được nguyên nhân dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất * Nắm được diễn biến chủy yếu, tính chất, kết cục của cuộc chiến tranh.   **2. Về kĩ năng**   * Biết trình bày diễn biến của cuộc chiến tranh qua lược đồ, sử dụng tài liệu để rút ra những kết luận, nhận định, đánh giá. * Phân biệt các khái niệm “ chiến tranh đế quốc”, “ chiến tranh chính nghĩa”, “ chiến tranh phi nghĩa”…   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Bồi dưỡng tinh thần đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ hòa bình, ủng hộ các cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục II. Diễn biến của chiến tranh: Hướng dẫn HS lập niên biểu những sự kiện chính |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | chính kiến của mình. |  |  |
|  | | | **Chương III. Những thành thời cận đại tựu văn hóa** | | | |
|  | | | **Chủ đề . Những thành thời cận đại tựu văn hóa** | | | |
| 9 | 9 | **Chủ đề**  (Bài 7) Những thành tựu văn hoá thời cận đại | Mục 1, Mục 2: Hướng dẫn HS lập niên biểu thành tựu nghệ thuật và tư tưởng. Mục 3: Khuyến khích học sinh tự đọc | **1. Về kiến thức**   * Học sinh kết hợp với các kiến thức đã học trong các môn Địa lí, Ngữ văn... để hiểu được sự phát triển của văn học, nghệ thuật, tư tưởng... ở thời Cận đại và những tác động, ảnh hưởng của nó. * Đọc SGK biết được cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng dẫn tới sự ra đời của CNXH khoa học.   **2. Về kĩ năng**   * Biết liên hệ, phân tích, đánh giá những thành tựu văn hóa và tác dụng của nó đối với xã hội. * Biết sử dụng phương pháp liên hệ, so sánh, đối chiếu các sự kiện * Biết trình bày một vấn đề có tính logic, biết tổng kết kinh nghiệm, rút ra bài học.   **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Hình thàn ý thức say mê học tập, tìm hiểu, sáng tác... * Trân trọng và phát huy những giá trị thành tựu văn học nghệ thuật mà con người đã đạt được trong thời Cận đại.   **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục 1, Mục 2: Hướng dẫn HS lập niên biểu thành tựu nghệ thuật và tư tưởng.  Mục 3: Khuyến khích học sinh tự đọc |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 10 | 10 | Bài 8. Ôn tập Lịch sử thế giới cận đại |  | **1. Về kiến thức**  - Học sinh hệ thống hóa được các kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cận đại về: Các cuộc CMTS; các nước tư bản chuyển sang giai đoạn ĐQCN; phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX; chiến tranh thế giới thứ nhất....  **2. Về kĩ năng**   * Rèn luyện kĩ năng hệ thống hóa kiến thức, phân tích sự kiện ... * Biết sử dụng phương pháp liên hệ, so sánh, đối chiếu các sự kiện * Biết trình bày một vấn đề có tính logic, biết tổng kết kinh nghiệm, rút ra bài học.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Củng cố thái độ, tư tưởng, tình cảm đúng đắn qua các bài học.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. |  |
| 11 | 11 | Kiểm tra 1 tiết |  | **1. Kiến thức**   * Có khả năng củng cố, hệ thống hóa, khái quát hóa những kiến thức lịch sử thế giới cận đại với số phận của các nước ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ la tinh; cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) * Kiểm tra sự nhận thức của học sinh về một số vấn đề của LSTG cận đại ( Cuối | Cả lớp |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX)   * Đánh giá kết quả học tập của học sinh * Rút kinh nghiệm giảng dạy trong thời gian tới.   **2. Kĩ năng**   * Rèn luyện kĩ năng phân tích, khái quát hóa vấn đề, nhận định và đánh giá,… về các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử của lịch sử thế giới hiện đại từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX * Giáo dục học sinh củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài.   **3. Thái độ, tư tưởng**   * Nhận thức được, trong học tập lịch sử cần thiết phải phân kì và khái quát hóa được những nội dung cơ bản về các giai đoạn phát triển của lịch sử. Từ đó, hiểu rõ sự phát triển của lịch sử Việt Nam luôn luôn là một bộ phận của lịch sử thế giới, gắn liền với cách mạng thế giới, đặc biệt từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, và cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất. * Hiểu rõ, bao trùm suốt thời kì lịch sử thế giới cận đại từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX hoàn cảnh, số phận của các quốc gia ở Á, Phi, Mĩ latinh, và mâu thuẫn giữa các nước ĐQ về thị trường, thuộc địa, kinh tế dẫn đến bùng nổ chiến tranh thế giới thứ nhất.   - Giáo dục học sinh tinh thần tự giác học tập và lòng say mê, hứng thú học tập bộ môn.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt  ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
|  | | | **Phần hai: Lịch sử thế giới hiện đại (Phần từ năm 1917 đến năm 1945)** | | | |
|  | | | **Chương I. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1917-1921)** | | | |
| 12 | 12 | Bài 9. Cách  mạng thánh 10  Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917-1921) | Bài 9: Cách mạng tháng Mười nga…  1. Cách mạng tháng Mười Nga 1917  3.Ý nghĩa Cách Mạng Tháng Mười Nga | **1. Về kiến thức**   * Nắm được một cách có hệ thống những nét chính về tình hình hước Nga trước cách mạng năm 1917. Hiểu được vì sao nước Nga năm 1917 lại có hai cuộc cách mạng: Cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười. * Nắm được những nét diễn biến chính của cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười năm 1917. * Thấy được nội dung cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. * Hiểu được của ý nghĩa lịch sử và ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.   **2. Về kĩ năng**   * Rèn kĩ năng tổng hợp và hệ thống hoá các sự kiện lịch sử. Khai thác kênh hình để hiểu nội dung các vấn đề lịch sử. * Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp các sự kiện lịch sử. * Tăng cường khả năng đối chiếu, so sánh các sự kiện lịch sử để hiểu rõ hơn đặc trưng lịch sử của từng sự kiện.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Bồi dưỡng tình cảm cách mạng, nhận thức đúng đắn về cuộc CM XHCN đầu tiên trên thế giới. Mối quan hệ giữa cách | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục II: Khuyến khích HS tự đọc |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | mạng Việt Nam và cách mạng tháng Mười Nga.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện   chính kiến của mình. |  |  |
| 13 | 13 | Bài 10. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921-1941) | Bài 10: Công cuộc xây dựng CNXH…   1. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 - 1925) 2. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 - 1941) | 1. **Kiến thức:**   Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (tiến hành công nghiệp hoá và tập thể hoá nông nghiệp...).   1. **Ký năng:**  * Rèn luyện năng tập hợp, phân tích tư liệu lịch sử, để hiểu bản chất của sự kiện lịch sử. * Tăng cường khả năng đối chiếu, so sánh các sự kiện lịch sử để hiểu rõ hơn đặc trưng lịch sử của từng sự kiện   **3. Thái độ:**   * Giúp các em nhận thức được sức mạnh, tính ưu việt và những thành tựu vĩ đại của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. * Tránh tư tưởng phủ định lịch sử, phủ nhận những đóng góp to lớn của chủ nghĩa xã hội với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.   **4. Định hướng phát triển năng lực:**  - Năng lực chung: Giao tiếp và hợp | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục II: Tập tập trung vào những thành tựu tiêu biểu |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tác, tự học, giải quyết vấn đề…  - Năng lực chuyên biệt: Thực hành bộ môn: Khai thác kênh hình có liên quan, sử dụng lược đồ.Vận dụng kiến thức đã học: về CS kinh tế mới liên hệ với công cuộc đổi mới XHCN ở nước ta từ 12/1986… |  |  |
|  | | | **Chương II. Các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)** | | | |
| 14 | 14 | Bài 11. Tình hình các nước tư bản giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới (1918-1939) | Bài 11: Tình hình các nước TB…  1. Thiết lập trật tự thế giới mới theo hệ thống Vec-xai  - Oa-sinh-tơn  3. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1923 - 1933 và những hậu quả của nó. | **1. Về kiến thức**  **-** Học sinh nắm được tình hình chung của các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh; việc xác lập một trật tự thế giới mới sau chiến tranh. Bản chất của CNTB 1919 – 1939.   * Nắm được quá trình phát triển với nhiều biến động to lớn dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ II của các nước tư bản. * Hiểu được sự thiết lập một trật tự thế giới mới theo hệ thống hòa ước Véc-xai- Oa-sinh-tơn chứa đựng đầy mâu thuẫn và không vững chắc. * Nắm được nguyên nhân ra đời của tổ chức Quốc tế Cộng Sản đối lập với chủ nghĩa tư bản. * Thấy rõ nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới.   **-** Hiểu rõ vì sao đặc trưng cơ bản nêu trên là nhân tố chủ yếu, chi phối các mối quan hệ quốc tế và nến chính trị thế giới từ sau chiến tranh.  **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục 2: Không dạy.  Mục 3: Tích hợp kiến thức về hậu quả của khủng hoảng kinh tế ở Đức,  Mĩ, Nhật Bản trong các bài 12, 13, 14 Mục 4: Không dạy. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh, bảng biểu và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề. * Tăng cường khả năng so sánh, liên hệ lịch sử dân tộc với lịch sử khu vực và thế giới.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  **-** Hiểu được quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ nhất chỉ là mong manh  – “ Quan hệ quốc tế ngồi trên miệng núi lửa”. Các mâu thuẫn trước chiến tranh không giải quyết được.  - Hiểu rõ bản chất phản động, tàn bạo của chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến. Bồi dưỡng, nâng cao tinh thấn chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện   chính kiến của mình. |  |  |
| 15-  16 | 15-16 | Bài 12 + 14:  Đức và Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh | Bài 12 + 14:  Đức và Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế | **1. Về kiến thức**   * Nắm được tình hình nước Đức, Nhật Bản 1919 – 1939. * Hiểu được dưới tác động của cuộc | Trên lớp và hướng dẫn HS tự | Cả 2 bài 12 và Bài 14:  Tích hợp Bài 12 và Bài 14 thành một bài Đức và Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) với |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | thế giới (1918-  1939) | giới (1918 -  1939)   1. Nước Đức (1918 - 1939): 2. Nhật Bản (1918 - 1939): | khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, nước Đức và Nhật Bản đã sử dụng biện pháp gì để thoát ra khỏi khủng hoảng, vì sao lại sử dụng biện pháp đó? Kết quả?  - Rút ra được nước Đức, Nhật Bản sau khi phát xít hóa -> “ Lò lửa của chiến tranh” -> Nguy cơ của cuộc chiến tranh mới.  **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  **-** Chứng minh được được quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ nhất chỉ là mong manh – “Quan hệ quốc tế ngồi trên miệng núi lửa”. Các mâu thuẫn trước chiến tranh không giải quyết được -> Biểu hiện ở nước Đức, Nhật Bản.  - Hiểu rõ bản chất phản động, tàn bạo của chủ nghĩa phát xít. Bồi dưỡng, nâng cao tinh thấn chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, | học. | cấu trúc như sau:   1. Nước Đức (1918 - 1939): hướng dẫn HS tìm hiểu về quá trình lên nắm quyền của Đảng Quốc xã và chính sách của Chính phủ Hít-le (1933 - 1939) 2. Nhật Bản (1918 - 1939): hướng dẫn HS tìm hiểu quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật Bản |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt  ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 17 | 17 | Bài 13. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-  1939) | Bài 13: Nước Mĩ giữa 2 cuộc chiến tranh…  II. Nước Mĩ trong những năm (1929- 1939) | **1. Về kiến thức**   * Nắm được tình hình nước Mĩ 1919 – 1939. * Hiểu được dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, nước Mĩ đã sử dụng biện pháp gì để thoát ra khỏi khủng hoảng, vì sao lại sử dụng biện pháp đó? Kết quả? * Rút ra được từ nước Mĩ những bài học về biện pháp giải quyết khủng hoảng.   **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh, bảng biểu và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề. * Tăng cường khả năng so sánh, liên hệ lịch sử dân tộc với lịch sử khu vực và thế giới.   **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Học tập và rút ra bài học kinh nghiệm cho sự phát triển kinh tế ở Việt Nam thông qua “ Chính sách mới”. * Hiểu được tính 2 mặt của chính sách đối ngoại “ Trung lập”   **4. Định hướng các năng lực hình thành**  - Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục I: Không dạy.  Mục II: Chỉ nêu khái quát cuộc khủng khoảng |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 18 | 18 | Kiểm tra HKI |  |  | Cả lớp |  |
|  |  | Bài 15. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và  Ấn Độ (1918 - 1939). | Không dạy |  |  |  |
| 19 | 19 | Bài 16. Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939) | Bài 16: Các nước Đông Nam Á giữa 2 cuộc chiến tranh thế giới  2. Khái quát chung về phong trào độc lập ở Đông Nam Á  III. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Lào và  Campuchia | **1. Về kiến thức**   * Học sinh nắm được những chuyển biến về kinh tế, chính trị, xã hội ở các nước Đông Nam Á giữa 2 cuộc chiến tranh thế giới. Một số phong trào cách mạng tiêu biểu ở các nước Đông Nam Á. * Rút ra được điểm giống nhau trong phong trào chống Pháp của nhân dân các nước Đông Dương. * So sánh được điểm khác nhau giữa phong trào cách mạng ở các nước Đông Dương và các nước Đông Nam Á khác.   **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục I.1; Mục II; Mục IV, Mục V: Khuyến khích học sinh tự đọc.  Mục I.2; Mục III: Hướng dẫn HS tìm hiểu những điểm mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | chất vấn đề.  **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Bồi dưỡng nhận thức đúng đắn về tính tất yếu của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, của các dân tộc bị áp bức, giành độc lập. * Thấy được những nét tương đồng và sự gắn bó giữa các nước Đông Nam Á trong cuộc đấu tranh giành độc lập.   **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
|  | | | **Chương IV Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945).** | | | |
|  | | |  | | | |
| 20 | 20 | Bài 17. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)  (Tiết 1: Dạy mục I; mục II hướng dẫn tóm tắt những nét chính; dạy mục III.1) | Bài 17: Chiến  tranh thế giới thứ hai...(t1)   1. Con đường dẫn tới chiến tranh 2. Chiến tranh bùng nổ... III.Chiến tranh lan rộng khắp thế giới... | **1.Về kiến thức**   * Học sinh phân tích được quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh * Nắm được nguyên nhân, những nét lớn về diễn biến của cuộc chiến tranh từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941.   **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục II,; Mục III: Hướng dẫn HS tóm tắt những sự kiện lớn và ý nghĩa của mỗi sự kiện |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.  - Rèn kĩ năng đánh giá, nhận định tính chất của cuộc chiến tranh  **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Nhận thức đúng về cuộc chiến tranh và hậu quả của nó đối với nhân loại  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 21 | 21 | Bài 17. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)  (Tiết 2: Dạy mục III.2,3; mục IV  hướng dẫn tóm tắt nét chính diễn biến; mục V) | Bài 17: Chiến  tranh thế giới thứ hai...(tt)   1. Chiến tranh lan rộng khắp thế   giới...(tt)   1. Quân đồng minh phản công... 2. Kết cục chiến tranh. | **1.Về kiến thức**  - Học sinh nắm được những nét lớn về diễn biến và kết cục của cuộc chiến tranh  **3. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề. * Rèn kĩ năng đánh giá, nhận định tính chất của cuộc chiến tranh   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Nhận thức đúng về cuộc chiến tranh và hậu quả của nó đối với nhân loại | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục III; Mục IV: Hướng dẫn HS tóm tắt những sự kiện lớn và ý nghĩa của mỗi sự kiện |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng mình. kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của |  |  |
| 22 | 22 | Bài 18. Ôn tập Lịch sử thế giới hiện đại.  (Phần từ năm 1917-1945) |  | **1. Về kiến thức**   * Học sinh củng cố lại được những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 – 1945 * Khái quát những nội dung chính của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 – 1945 * Vận dụng kến thức làm bài tập lịch sử   **3. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Bồi dưỡng nhận thức đúng đắn về lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 – 1945  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt  ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
|  | | | | **Phần ba: Lịch sử Việt Nam (1858-1918)** | | |
|  | | | | **Chương I. Việt Nam từ 1858 đến cuối thế kỉ XIX** | | |
|  | | | | **Chủ đề: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1884)** | | |
| 23 | 23 | **Chủ đề**: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1884). | Tiết 1:   1. Tình hình Việt Nam đến giữa thế kỉ XIX 2. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1858 - 1884)    1. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1858 – đến trước 1862) | **1. Về kiến thức**   * Học sinh biết được:   + Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam trước khi bị thực dân Pháp xâm lược  + Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp từ 1858 đến trước 1862.  + Cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ 1858 đến 1873   * Học sinh hiểu được:   + Nguyên nhân tại sao Pháp xâm lược nước ta  + Nguyên nhân tại sao Pháp chọn Đà Nẵng và Gia Định làm điểm tấn công  + Thái độ của triều đình và của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp.  **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Hiểu được bản chất xâm lược của | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | 23 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | CNTD và sự tàn bạo của chúng   * Tự hào về truyền thống chống xâm lược của cha ông * Có thái độ đúng mức khi tìm hiểu về nguyên nhân và trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước cuối thế kỉ XIX. * Có nhận thức đúng về các sự kiện, nhân vật lịch sử cụ thể   **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 24 | 24 | **Chủ đề**: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1884).(TT) | Tiết 2  II. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1858 - 1884)  2. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1862 – 1874) | * HS biết được:   + Âm mưu thôn tính toàn bộ Việt Nam của Pháp. Tình hình chiến sự ở Việt Nam từ năm 1862 -1874.  + Biết được cuộc chiến đấu anh dũng chống Pháp của nhân dân Nam kì, Bắc Kì và Trung Kì trong những năm 1862 - 1874   * HS hiểu được nguyên nhân và trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.   **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | 24 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | và rút ra kết luận  - Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.  **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Hiểu được bản chất xâm lược của CNTD và sự tàn bạo của chúng * Nâng cao lòng yêu nươc, ý chí căm thù bọn cướp nước và tay sai bán nước.Tự hào và biết ơn những người đã hi sinh vì nền độc lập tự do của Tổ quốc. * Có thái độ đúng mức khi tìm hiểu về nguyên nhân và trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước cuối thế kỉ XIX. * Hiểu được ý nghĩa của sự đoàn kết, muốn chiến thắng kẻ thù phải có sự đồng tâm hiệp lực từ trên xuống dưới, phải có một giai cấp lãnh đạo tiên tiến. * Có nhận thức đúng về các sự kiện, nhân vật lịch sử cụ thể   **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện   chính kiến của mình. |  |  |
| 25 | 25 | **Chủ đề**: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân | Tiết 3  II. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc | **1. Về kiến thức**  - HS biết được:  + Âm mưu thôn tính toàn bộ Việt Nam của Pháp. Tình hình chiến sự ở Việt Nam | Trên lớp và hướng dẫn HS tự | 25 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Pháp xâm lược (1858 - 1884).(TT) | kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1858 -  1884)  3. Quá trình xâm lược của thực dân  Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1882 –  1884) | từ năm 1882 đến năm 1884.  + Biết được cuộc chiến đấu anh dũng chống Pháp của nhân dân Bắc Kì và Trung Kì trong những năm 1882 - 1884.  - HS hiểu được nguyên nhân và trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.  **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Hiểu được bản chất xâm lược của CNTD và sự tàn bạo của chúng * Nâng cao lòng yêu nươc, ý chí căm thù bọn cướp nước và tay sai bán nước.Tự hào và biết ơn những người đã hi sinh vì nền độc lập tự do của Tổ quốc. * Có thái độ đúng mức khi tìm hiểu về nguyên nhân và trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước cuối thế kỉ XIX. * Hiểu được ý nghĩa của sự đoàn kết, muốn chiến thắng kẻ thù phải có sự đồng tâm hiệp lực từ trên xuống dưới, phải có một giai cấp lãnh đạo tiên tiến. * Có nhận thức đúng về các sự kiện, nhân vật lịch sử cụ thể   **4. Định hướng các năng lực hình thành** | học. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 26 | 26 | Bài 21. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX.  Tiết 1: Dạy mục I, II – phần 1 | Bài 21: Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam…   1. Phong trào Cần Vương bùng nổ 2. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và phong trào đấu tranh tự vệ cuối thế kỉ XIX.. | **1. Về kiến thức**   * HS biết được nội dung, diễn biến cơ bản của phong trào Cần Vương, và một số cuộc khởi tiêu biểu: Bãi Sậy * HS hiểu được các khái niệm: " Cần Vương", "văn thân", "sĩ phu"...   **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Giáo dục HS tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu giải phóng dân tộc, bước đầu nhận thức được những yêu cầu mới cần phải có để đưa cuộc đấu tranh chống ngoại xâm đến thắng lợi  **4. Định hướng các năng lực hình thành**  - Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | 26 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | - Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt  ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 27 | 27 | Bài 21. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX.  . Tiết 2: Dạy  mục II – phần 3, 4 |  | **1. Về kiến thức**   * HS biết được nội dung, diễn biến cơ bản của phong trào Cần Vương, và một số cuộc khởi tiêu biểu: Hương Khê, Yên Thế... * HS hiểu:   + Hiểu được các khái niệm: " Cần Vương", "văn thân", "sĩ phu"...  + Hiểu được hoàn cảnh nổ ra phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX, trong đó các cuộc khởi nghĩa Cần Vương và khởi nghĩa tư vệ (Tự phát) của nông dân.  **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**  - Giáo dục HS tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu giải phóng dân tộc, bước đầu nhận thức được những yêu cầu mới cần phải có để đưa cuộc đấu tranh chống ngoại xâm đến thắng lợi | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | 27 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 28 | 28 | **Lịch sử địa phương:**  Truyền thống đấu tranh chống áp bức, chống xâm lược của nhân dân huyện Đại Lộc (1885-  1918) | Lịch sử địa phương I.Đại Lộc   1. Tình hình KT- CT-XH: 2. Truyền thống đấu tranh chống áp bức và xâm lược của nhân dân huyện Đại Lộc. | **1.Kiến thức:**   * Giúp học sinh nắm được những thuận lợi và khó khăn của huyện. * Cung cấp cho HS một vài nét về lịch sử, địa lí, tình hình KT-CT-XH của huyện. * Giúp cho học sinh hiểu một số nét cơ bản về truyền thống đấu tranh yêu nước của nhân dân huyện Đại Lộc.   **2. Kĩ năng:**  **-** Rèn luyện kĩ năng liên hệ lịch sử địa phương và lịch sử dân tộc.  -Sử dụng và khai thác tư liệu lịch sử nói về quê hương.  **3.Thái độ**:  - Giáo dục cho học sinh tình yêu quê hương Đại Lộc.  -Định hướng cho học sinh vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với quê hương Đại Lộc.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**  - Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng  tạo. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | 28 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | - Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 29 | 29 | **Kiểm tra 1 tiết** |  | **1. Kiến thức**  **-** Có khả năng củng cố, hệ thống hóa, khái quát hóa những kiến thức lịch sử thế giới hiện đại - cuộc chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945); về lịch sử dân tộc Việt Nam từ 1858 - 1896.   * Đánh giá kết quả học tập của học sinh * Rút kinh nghiệm giảng dạy trong thời gian tới.   **2. Kĩ năng**   * Rèn luyện kĩ năng phân tích, khái quát hóa vấn đề, nhận định và đánh giá,… về các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử của lịch sử thế giới hiện đại - Chiến tranh thế giới thứ hai( 1939 - 1945) và lịch sử Việt Nam ( 1858 - 1896) * Giáo dục học sinh củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài.   **3. Thái độ, tư tưởng**  **-** Nhận thức được, trong học tập lịch sử cần thiết phải phân kì và khái quát hóa được những nội dung cơ bản về các giai đoạn phát triển của lịch sử. Từ đó, hiểu rõ sự phát triển của lịch sử Việt Nam luôn luôn là một bộ phận của lịch sử thế giới, gắn liền với cách mạng thế giới, đặc biệt từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, và cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.  - Giáo dục học sinh tinh thần tự giác học | Cả lớp | 29 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tập và lòng say mê, hứng thú học tập bộ môn.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện   chính kiến của mình. |  |  |
|  | | | | **Chương II. Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết chiến tranh thế giới thứ nhất 1918** | | |
| 30 | 30 | Bài 22. Xã  hộiViệt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp | Bài 22: Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác  thuộc địa lần thứ nhất…   1. Những chuyển biến về kinh tế 2. Những chuyển biến về xã hội | **1. Về kiến thức**   * Học sinh biết được:   + Những điểm mới trong nền kinh tế - xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX  + Những chuyển biến về kinh tế đã tạo ra sự chuyển biến về xã hội, giai cấp   * Học sinh hiểu được:   + Mục đích và nắm được những nét chính về nội dung của các chính sách kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam ngay sau khi chúng hoàn thành cuộc bình định về quân sự.  + Nguyên nhân của những biến đổi trong nền kinh tế - Xã hội Việt Nam là do sự tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp.  + Cơ sở dẫn đến việc hình thành tư tưởng giải phóng dân tộc mới  **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.  - Rèn kĩ năng tích hợp liên môn, giáo dục di sản... | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Nhận rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, phong kiến đã bóc lột dã man và đàn áp về chính trị một cách tàn bạo đối với nhân dân ta. * Bồi dưỡng tình cảm giai cấp, lòng yêu nước, kính trọng của giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. * Hiểu được bản chất bóc lột của thực dân Pháp   **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện   chính kiến của mình. |  |  |
| 31 | 31 | Bài 23. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất | Bài 23: Phong  trào yêu nước và cách mạng Việt Nam…  1. Phan Bội Châu và xu hướng bạo động | **1. Về kiến thức**  - Học sinh biết được:  + Những nét chính của các phong trào Duy tân của Phan Bội Châu, cuộc vận động Duy tân của Phan Châu Trinh, hoạt động của trường Đông Kinh Nghĩa Thục.  + Những nét mới của phong trào yêu | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục 3: Khuyến khích học sinh tự đọc |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | 2. Phan châu Trinh và xu hướng cải cách. | nước đầu thế kỉ XX so với phong trào cuối thế kỉ XIX.  + Biết được những điểm giống nhau của hai xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX.  - Học sinh hiểu được:  + Cơ sở dẫn đến việc hình thành tư tưởng giải phóng dân tộc mới ở đầu thế kỉ XX.  + Hiểu được khuynh hướng dân chủ với phương pháp bạo động và cải cách.  **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn kĩ năng tích hợp liên môn, giáo dục di sản... * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Thán phục, trân trọng tinh thần đấu tranh yêu nước của các vị tiền bối thời kì này * Giáo dục học sinh tinh thần cầu tiến. Biết thay đổi bản thân để có ích cho mình và cho đất nước.   **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 32 | 32 | Bài 24. Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-  1918). | Bài 24: Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)  I Tình hình kinh tế, xã hội  II.Phong trào đấu tranh vũ trang trong chiến tranh. III.Sự xuất hiện khuynh hướng cứu nước mới | **1. Về kiến thức**   * Học sinh biết được: Những nét nổi bật của tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất * Học sinh hiểu được: Bối cảnh của Việt Nam trong chiến tranh và phong trào giải phóng dân tộc ở giai đoạn lịch sử này. * Sự xuất hiện khuynh hướng cứu nước mới trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất: Thời gian, địa điểm, hình thức đấu tranh và buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành   **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề.   **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Nhận rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, phong kiến đã bóc lột dã man và đàn áp về chính trị một cách tàn bạo đối với nhân dân ta. * Bồi dưỡng tình cảm giai cấp, lòng yêu nước, kính trọng của giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác.   **4. Định hướng các năng lực hình thành**  - Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | Mục II: Khuyến khích học sinh tự đọc Mục III.1: Khuyến khích học sinh tự đọc |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | - Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt  ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện chính kiến của mình. |  |  |
| 33 | 33 | Bài 25. Sơ kết Lịch sử Việt Nam (1858-  1918) |  | **1. Về kiến thức**   * Nội dung các giai đoạn lịch sử Việt Nam từ 1858 - 1918 * Các phong trào kháng chiến, khởi nghĩa của nhân dân ta từ khi Pháp xâm lược * Các khuynh hướng cứu nước ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của các khuynh hướng cứu nước đó.   **2. Về kĩ năng**  **-** Rèn luyện khả năng phân tích, liên hệ, rút ra kết luận về các sự kiện lịch sử.   * Rèn kĩ năng tích hợp liên môn, giáo dục di sản... * Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình,… * Kỹ năng khai thác, phân tích tranh ảnh và rút ra kết luận * Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS phát huy khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất vấn đề   **3. Về thái độ, tư tưởng**   * Nhận rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, phong kiến đã bóc lột dã man và đàn áp về chính trị một cách tàn bạo đối với nhân dân ta. * Bồi dưỡng tình cảm giai cấp, lòng yêu nước, kính trọng của giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | động khác.  - Giáo dục học sinh tinh thần cầu tiến. Biết thay đổi bản thân để có ích cho mình và cho đất nước.  **4. Định hướng các năng lực hình thành**   * Năng lực chung: Tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực chuyên biệt: So sánh, phân tích, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra; Thông qua sử dụng ngôn ngữ thể hiện   chính kiến của mình. |  |  |
| 34 | 34 | Kiểm tra học kì II |  |  | Cả lớp |  |
| 35 | 35 | Trả bài |  |  | Cả lớp |  |

**TRƯỜNG: THPT ĐỖ ĐĂNG TUYEN**. **TỔ: SỬ - ĐỊA - GDCD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁO DỤC CÔNG DÂN, LỚP 11.**

(Năm học 2022 - 2023.)

## HỌC KÌ I ( 18 Tiết/ 18 Tuần)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề Bài học** | **Số tiết** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức/ địa điểm tổ chức dạy học** | **Gợi ý**  **Hướng dẫn thực hiện** |
| **Tổng** | **Chi tiết** |
| **1** | **Bài 1.** Công dân với sự phát triển kinh tế. | **2** | **Tuần 1-2**  Tiết 1,2 | Học xong bài này, học sinh cần đạt được: 1.Về kiến thức   * Nêu được thế nào là sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất đối với đời sống xã hội. * Nêu được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng. | - Dạy học trên lớp kết hợp với  hướng dẫn học sinh học | **- Tiết 1:** Gv linh hoạt về phương pháp để tổ chức cho HS tìm hiểu khái niệm sản xuất của cải vật chất và vai trò của nó.  +GV sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy để dạy về các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.  **-Tiết 2:** Gv linh hoạt về phương |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | - Phát triển kinh tế là gì?Ý nghĩa phát triển kinh tế đối với cá nhân và xã hội   1. Về kỹ năng   Biết tham gia xây dựng kinh tế gia đình phù hợp với khả năng của bản thân.   1. Về thái độ  * Tích cực tham gia kinh tế gia đình và địa phương. * Tích cực học tập để nâng cao chất   lượng lao động của bản thân, góp phần xây dựng kinh tế đất nước.  4. Các năng lực hướng tới phát triển ở học sinh  -Năng lực tự học, năng lực tư duy, phân tích , năng lực hợp tác. | tập tại nhà. | pháp…để tổ chức cho HS tìm hiểu về phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế.   * **Mục 3a.** Cơ cấu kinh tế **: (không dạy)** * **Mục 3b.** Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội: *Tập trung hướng dẫn học sinh nêu ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân và xã hội.* |
| **2** | **Bài 2.** Hàng hóa - tiền tệ - thị trường. | **2** | **Tuần 3-4**  Tiết 3,4 | I. Mục tiêu bài học  Học xong bài này, học sinh cần đạt được: 1.Về kiến thức   * Hiểu được khái niệm hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa. * Nêu được nguồn gốc, bản chất, chức năng của tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ. * Nêu được khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường. * Hiểu được vai trò của sản xuất hàng hóa và thị trường đối với sự phát triển kinh tế   – xã hội.  2. Về kỹ năng   * Biết phân biệt giá trị với giá cả của hàng hóa. * Biết nhận xét tình hình sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm hàng hóa ở địa phương. | *-* Tiết 1: Dạy học trên lớp.  - Tiết 2: Dạy học trên lớp kết hợp với nghiên cứu tại nhà. | -**Tiết 1:** Gv linh hoạt về phương pháp..  .để tổ chức cho HS tìm hiểu khái niệm hàng hóa, hai thuộc tính của hàng hóa.   * **Mục 1b**. Lượng giá trị hàng hóa: Tập trung làm rõ 2 khái niệm:   + Thời gian lao động cá biệt  + Thời gian lao động xã hội cần thiết  -**Tiết 2**: Hướng dẫn HS nghiên cứu theo nội dung được GV phân công và tổ chức báo cáo trên lớp. - GV hướng dẫn theo dõi và đánh giá qua sản phẩm của HS.   * **Mục 2a.** Nguồn gốc, bản chất của tiền tệ: (KK **Học sinh tự học).** * **Mục 2c.** Quy luật lưu thông tiền tệ:   **(không dạy)** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | Về thái độ   * Quan tâm đến tình hình phát triển sản xuất hàng hóa. * Coi trọng đúng mức vai trò của hàng hóa, tiền tệ và sản xuất hàng hóa.   4. Năng lực hướng tới: Tư duy, phân  tích, so sánh, tự học, liên hệ thực tiễn…. |  |  |
| **3** | **Chủ đề.** Các quy luật kinh tế trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. | **3** | **Tuần 5,6,7**  Tiết 5,6,7 | I.Mục tiêu bài học:  Học sinh nắm được 1.Về kiến thức:   * Hiểu được nội dung của quy luật giá trị * Tác động của quy luật giá trị * Sự vận dụng của nhà nước và công dân đối với quy luật giá trị * Nêu được khái nhiệm cạnh tranh, nguyên nhân và tính tất yếu không thể không thể thiếu được cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. * Hiểu được mục đích cạnh tranh, tính hai mặt của cạnh tranh. * Nêu được khái niệm cung, cầu. * Hiểu được mối quan hệ cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. * Nắm được vai trò quan hệ cung-cầu. * Nêu được sự vận dụng quan hệ cung - cầu. 2.Về kĩ năng: * Học sinh vận dụng quy luật giá trị để giải thích một số hiện tượng kinh tế gắn với cuộc sống. * Biết cách quan sát tình hình cạnh tranh trên thị trường. * Trình bày được mục đích và tính hai | * Tiết 1,2: Dạy học trên lớp. * Tiết 3,4: Dạy học trên lớp, HS báo cáo các kết quả tìm hiểu theo gợi ý hướng dẫn của GV. | * **Mục 3a.** Về phía Nhà nước(HS tự học) * **Mục** 3b. Về phía công dân(Hướng dẫn học sinh tìm thêm ví dụ về vận dụng nội dung và tác động của quy luật giá trị) * **Mục 2a**. Mục đích của cạnh tranh(Ghép vào Mục 1 (Cạnh tranh, nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh). * **Mục 2b.** Các loại cạnh tranh**(không dạy)** * **Mục 2b**. Vai trò của quan hệ cung – cầu **(không dạy)** * **Mục 3.** Vận dụng quan hệ cung – cầu (Hướng dẫn HS thực hành) * **Tiết 1:** Dạy học trên lớp, (Gv linh hoạt về phương pháp..)   để tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung của các quy luật.   * **Tiết 2**: Dạy học trên lớp, (Gv linh hoạt về phương pháp..)   để tổ chức cho HS tìm hiểu tác động của các quy luật.  ***-*Tiết 3**: Tổ chức cho HS rút ra việc vận dụng các quy luật này trong thực tế đối với nhà nước và người sản xuất kinh  doanh. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | mặt trong cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.   * Bước đầu nhận thức được các giải pháp mà nhà nước dung để phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt hạn chế của cạnh   tranh ở nhà nước ta hiện nay. 3.Về thái độ:   * Học sinh có thái độ tông trọng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. * Ủng hộ việc sử dụng cạnh tranh lành mạnh để thúc đẩy sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta. * Ủng hộ việc làm của nhà nhước khi xử lý cạnh tranh trái pháp luật. * Biết giải thích ảnh hưởng của giá cả thị trường đến cung - cầu của một loại sản phẩm ở địa phương.   4.Các năng lực hướng tới phát triển ở học sinh  - Năng lực tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề, phát triển bản thân.   * *Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác… * *Năng lực chuyên biệt:*   + Năng lực phân tích: Phân tích nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, mục đích của cạnh tranh, các loại cạnh tranh.  + Năng lực thực hành bộ môn: Đánh giá hành vi, xử lý tình huống trong cạnh  tranh lành mạnh và cạnh tranh không |  | -Bài 3:Câu hỏi và bài tập: Câu hỏi/bài tập 5,10(HS tự làm)  -Bài 4:Câu hỏi và bài tập: Câu hỏi/bài tập (HS tự làm)  -Bài 5:Câu hỏi và bài tập: Câu hỏi/bài tập 3(HS Tự làm) |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | lành mạnh.  + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống: Thái độ tích cực, nâng cao ý thức học tập, lao động để phát triển kinh tế  nước ta trong thời đại hiện nay |  |  |
| **4** | Ôn tập kiểm tra giữa học kỳ I | **1** | **Tuần 8**  Tiết 8 | 1. Kiến thức:   * Giúp HS hệ thống hóa toàn bộ kiến thức đã học * Khắc sâu những kiến thức đã học. 2.Kỹ năng: * Phương pháp ôn tập khoa học để làm bài kiểm tra đạt hiệu quả.  1. Thái độ: Nghiêm túc ôn tập để nắm được nội dung và biết cách làm bài. 2. Năng lực:   -Phát triển năng lực tự học, khái quát, hệ thống hóa kiến thức đã học | - Ôn tập trên lớp | - GV ôn tập cho học sinh theo nội dung đã học. |
| **5** | Kiểm tra định kỳ giữa HKI | **1** | **Tuần 9**  Tiết 9 | 1. Kiến thức:   * Học sinh nắm lại toàn bộ kiến thức đã học * Biết liên hệ trong thực tiến cuộc sống   2. Kỹ Năng:  - Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, liên hệ và giải quyết tình huống  3. Tư tưởng, tình cảm:  Qua bài kiểm tra học sinh nhận thức được sự cần thiết của việc học môn GDCD qua đó có thái độ nghiêm túc trong kiểm tra. | - Kiểm tra trên lớp | - Kiểm tra tập trung theo kế hoạch |
| **6** | **Chủ đề.** Các | **1** | **Tuần** | Tiếp theo | **- Tiết** 4: Dạy | **Tiết 4**: Cho học sinh lập bảng thống kê |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | quy luật kinh tế trong sản xuất và lưu thông hàng hóa(tt) |  | **10**  Tiết 10 |  | học trên lớp, HS báo cáo các kết quả tìm hiểu theo gợi ý hướng dẫn của GV. | một số mặt hàng chịu tác động của một hay cả 3 quy luật kinh tế.  - GV hướng dẫn theo dõi và đánh giá qua sản phẩm của HS  -Bài 3:Câu hỏi và bài tập: Câu hỏi/bài tập 5,10(HS tự làm)  -Bài 4:Câu hỏi và bài tập: Câu hỏi/bài tập (HS tự làm)  -Bài 5:Câu hỏi và bài tập: Câu hỏi/bài tập 3(HS Tự làm) |
| **7** | **Bài 6.** Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước | **2** | **Tuần 11-12**  Tiết 11  12 | 1. Về kiến thức   * Hiểu được thế nào là công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; vì sao phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. * Nêu được nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. * Hiểu được trách nhiệm của công dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.   2. Về kỹ năng  - Biết xác định trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.  3. Về thái độ   * Tin tưởng, ủng hộ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước . * Quyết tâm học tập, rèn luyện để trở   thành người lao động đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.  4.Năng lực :Tự học, tư duy, so sánh, đọc hợp tác, giải quyết vấn đề, liên hệ thực | - Dạy học trên lớp kết hợp với  hướng dẫn học sinh học tập tìm hiểu trước tại nhà/Máy  chiếu (nếu  có), Bảng phụ. | * **Mục 1.** Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa(Chỉ tập trung làm rõ thế nào là công nghiệp hóa, hiện đại hóa) * **Mục 2c.** Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất XHCN   trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân (HS tự đọc)  Câu hỏi và bài tập: Các câu hỏi/ bài tập số 5, 6, 7, 8 (Không yêu cầu HS làm)   * **Tiết 1:** Dạy học trên lớp, (Gv linh hoạt về phương pháp..)   để tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung khái niệm CNH, HĐH.  +Gv linh hoạt về phương pháp..để tổ chức cho HS tìm hiểu  về tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH, HĐH đất nước.  **-Tiết 2:** Dạy học trên lớp, (Gv linh hoạt về phương pháp..)  để tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung cơ bản của CNH, HĐH và trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH, HĐH  đất nước. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tiễn... |  |  |
| **8** | **Chủ đề:** Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và chủ nghĩa xã hội.(Bài 7,8-  theo hướng dẫn của Bộ). | **3** | **Tuần 13,14**  **,15**  Tiết 13,14  ,15 | 1. Về kiến thức   * Nêu được thế nào là thành phần kinh tế. * Nêu được sự cần thiết khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta. * Biết được đặc điểm cơ bản của các   thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay.   * Hiểu được vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam.   2. Về kỹ năng   * Phân biệt được các thành phần kinh tế ở địa phương. * Xác định được trách nhiệm của mỗi công dân trong việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.   3. Về thái độ   * Tin tưởng, ủng hộ đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước. * Tích cực tham gia phát triển kinh tế gia đình, phù hợp với điều kiện của gia đình và khả năng của bản thân. * Quyết tâm học tập, rèn luyện để trở thành người lao động đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.   4. Năng lực ; Đọc SGK, làm việc nhóm, liên hệ thự tiễn, giải quyết tình huống, tự học.... | *-*Tiết 1: Dạy học trên lớp.  -Tiết 2,3: Dạy học trên lớp kết hợp với nghiên cứu  chuẩn bị trước tại nhà. | * **Mục 1b.** Các thành phần kinh tế ở nước ta (Chỉ tập trung hướng dẫn học sinh nêu khái niệm và vai trò của từng thành phần kinh tế ở nước ta) * **Mục 2.** Vai trò quản lí kinh tế của nhà nước(HS tự học)   IV. Câu hỏi và bài tập: Câu hỏi/bài tập 9, 10(hs tự làm)   * **Mục 1a**. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa(Khuyến khích HS Tự học) * **Mục 2b.** Đặc điểm của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta(Hướng dẫn HS tự học)   **-Tiết 1**: Dạy học trên lớp, (Gv linh hoạt về phương pháp..) để tổ chức cho HS  tìm hiểu nội dung –GV hướng dẫn HS nêu Khái niệm và vai trò của từng thành phần kinh tế  **Mục 1**: Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.  Mục 1b: Các thành phần kinh tế ở nước ta   * **Tiết 2**: Hướng dẫn HS nghiên cứu theo nội dung được GV phân công về các   thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay  (trong thực tế) và rút ra trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần.  -Tổ chức báo cáo trên lớp theo yêu cầu |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | của giáo viên.  - GV hướng dẫn HS theo dõi và đánh giá qua sản phẩm HS trình bày.  **-Tiết 3**: Dạy học trên lớp, (Gv linh hoạt về phương pháp..) để tổ chức cho HS nắm được nội dung  ***Mục 2****b***.** Đặc điểm thời kì quá độ lên  CNXH ở nước ta. (**hướng dẫn học sinh tự học)** |
| **9** | **Ngoại khóa.** Các vấn đề kinh tế - xã hội ở địa phương. | **1** | **Tuần 16**  Tiết 16 | 1. Kiến thức:   Giúp học sinh biết được tình hình KT, XH ở địa phương   1. Kỹ năng:   Phân biệt được các thành phần kinh tế, sự thay đổi về các mối quan hệ XH hiện nay ở địa phương.   1. Thái độ hành vi:   Có ý thức học tập và rèn luyện để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.   1. Năng lực   - Phát triển năng lực tự học, đọc tư liệu, tư duy, so sánh, liên hệ | *-* Dạy học trên lớp hoặc tổ chức tập trung cả khối  11 ngoài sân trường. | - Hình thức rung chuông vàng, đuổi hình bắt chữ… |
| **10** | Ôn tập kiểm tra cuối học kỳ I | **1** | **Tuần 17**  Tiết 17 | 1,Kiến thức.   * Giúp HS hệ thống hóa toàn bộ kiến thức trong chương trình học kỳ I. * Khắc sâu những kiến thức đã học. * Nắm được những nội dung theo h Theo Ma trân của Sở.   2. Kỹ năng:  - Phương pháp ôn tập khoa học để làm bài kiểm tra đạt hiệu quả.  3. Thái độ: Nghiêm túc chú ý ôn tập. | *-Ôn tập trên lớp.* | - GV ôn tập cho HS theo giới hạn chương trình và bảng đặc tả của Sở. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | 4. Năng lực:  - Phát triển năng lực tự học, khái quát, hệ thống hóa kiến thức đã học |  |  |
| **11** | **Kiểm tra cuối kỳ I** | **1** | **Tuần 18**  Tiết 18 | 1.Kiến thức:  - Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề, tình huống thực tiễn trong đề kiểm tra.  2. Năng lực:  - Năng lực độc lập, tư duy, sáng tạo trong quá trình làm bài.  3. Kỹ năng, thái độ:  - Nghiêm túc, cẩn thận trong kiểm tra để bài kiểm tra đạt kết quả cao. | *-KT cuối kỳ trên lớp* | - Kiểm tra tập trung theo kế hoạch của Sở. |

**HỌC KỲ II: 17 TUẦN(TIẾT 19 ĐẾN TIẾT 35)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **12** | Bài 9: Nhà nước xã hội chủ nghĩa. | **3** | **Tuần 19,20,21**  Tiết 19  20  21 | 1. Về kiến thức:   * Hiểu được nguồn gốc, bản chất của nhà nước. * Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chức năng xây dựng pháp   luật và bảo đảm thực hiện pháp luật, trong đó có pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nhà nước ta xác định tham nhũng là kẻ thù của nhân dân, gây tổn hại to lớn cho sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, phá hoại đội ngũ cán bộ công chức và bộ máy nhà nước, đe dọa sự tồn vong  của Nhà nước. | -Tiết 1, 2:  Dạy học trên lớp.  -Tiết 3: HS báo cáo các kết quả tìm hiểu theo gợi ý hướng dẫn của GV. | * Mục 1. Nguồn gốc và bản chất của nhà nước(KKHS tự học) * Mục 2d. Vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị (KK hs tự học)   **-Tiết 1, 2**: Dạy học trên lớp, (Gv linh hoạt về phương pháp..)  để tổ chức cho HS tìm hiểu khái niệm Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, bản chất của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam,  chức năng của nhà nước pháp |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | - Công dân có trách nhiệm phê phán, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước, trong đó có hành vi tham nhũng.   1. Kỹ năng:   Biết phân biệt được nguồn gốc và bản chất của nhà nước  Biết cách phê phán các hành vi tham nhũng   1. Thái độ:   Tôn trọng. tin tưởng vào nhà nước pháp quyền xã hội CNVN.  Xác định rõ trách nhiệm công dân trước hành vi tham nhũng.   1. Năng lực; Phát triển năng lực tư duy, so sánh, làm việc nhóm, liên hệ và giải quyết các tình huống thực tiễn.. | |  | quyền XHCN Việt Nam. Tích hợp phòng chống tham nhũng  ***-*Tiết 3:** Cho HS xem Video hoặc tự liên hệ thực tế, tổ chức cho HS báo cáo một số nội dung tìm hiểu theo gợi ý hướng dẫn của GV về  trách nhiệm của công dân trong  tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN VN, hoặc những biểu hiện cụ thể của nhà nước pháp quyền trong thực tế(Hướng dẫn HS thực hành)  - Câu hỏi và bài tập 2,5 .( Không yêu cầu HS làm) |
| **13** | **Bài 10.** Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. | **2** | **Tuần 22-**  **23**  Tiết 22  23 | | 1. Về kiến thức:   * Giúp HS biết được bản chất của nền dân chủ XHCN, xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam. * Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là biện pháp để phòng ngừa tham nhũng, là biểu hiện quyền dân chủ trong lĩnh vực chính trị   2. Về kỹ năng:   * Biết thực hiện quyền làm chủ của công dân trong lĩnh vực kinh tế- chính trị. * Biết một số lĩnh vực, công việc, nội dung cần phải thực hiện công khai; những hình thức công khai của cơ quan,   tổ chức, đơn vị. | *-* Dạy học trên lớp. | * Mục 1. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa * Chỉ tập trung làm rõ những thể hiện cụ thể về bản chất của dân chủ XHCN trên 5 phương diện.   Các nội dung còn lại khuyến khích học sinh tự học   * Mục 2a, 2d. Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế,   lĩnh vực xã hội. (KKHS Tự học)   * Mục 3. Các hình thức cơ bản của dân chủ (Hướng dẫn HS tìm ví dụ về dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.)   **Hướng dẫn HS tự học**: Các hình |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | | 1. Về thái độ:   Ủng hộ việc công khai hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.ê phán các hành vi, luận điệu xấu chống lại nền dân chủ XHCN.   1. Năng lực   -Tư duy, phân tích, so sánh, liên hệ, giải quyết tình huống thực tiễn… |  | thức cơ bản của dân chủ (có thể hướng dẫn học sinh liên hệ ví dụ thực tế ở địa phương em)  *Tích hợp nội dung phòng chống tham nhũng.*  *-Bài tập 2: HS tự làm.* |
| **14** | **Bài 11.** Chính sách dân số và giải quyết việc làm | **1** | **Tuần 24** Tiết 24 | 1. Về kiến thức:   * Nêu được tình hình dân số và việc làm, phương hướng cơ bản của Đảng, nhà nước. * Hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với C/S dân số và giải quyết việc làm.  1. Kỹ năng: Biết tham gia tuyên truyền C/S dân số và giải quyết việc làm. 2. Thái độ: Tin tưởng, ủng hộ C/S dân số và giải quyết việc làm, phê phán các hiện tượng ci phạm C/S dân số, việc làm. 3. Năng lực: Phát triển năng lực tư duy, phân tích, so sánh, tự học, làm việc nhóm, giải quyết tình huống thực tiễn | | - Dạy học trên lớp kết hợp với  hướng dẫn học sinh học tập tại  nhà/Máy  chiếu (nếu  có), Bảng phụ. | * Mục 1a. Tình hình dân số nước ta (Hướng dẫn HS tự học) * Mục 3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm (Hướng dẫn HS thực hiện trách nhiệm của bản thân)   Cho học sinh xem phim tài liệu, vi deo… về dân số và việc làm (có  thể chuyển trước cho HS) kết hợp với việc giáo viên giao nội dung cho các em nghiên cứu trước ở nhà.  -Sau đó các em viết báo cáo trên cơ sở yêu cầu của giáo viên.   * Trên lớp giáo viên sẽ cho học sinh trình bày và đánh giá qua sản phẩm của HS.   -Câu hỏi /bài tập 1: ( Không yêu cầu HS trả lời) |
| **15** | Ôn tập giữa học kỳ II | **1** | **Tuần 25** Tiết 25 | 1. Kiến thức:   * Giúp HS hệ thống hóa toàn bộ kiến thức đã học * Khắc sâu những kiến thức đã học. | | - Ôn tập trên lớp | - GV ôn tập cho học sinh theo nội dung đã học. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | 2. Kỹ năng:  - Phương pháp ôn tập khoa học để làm bài kiểm tra đạt hiệu quả.   1. Thái độ: Nghiêm túc, tập trung ôn tập. 2. Năng lực:   - Phát triển năng lực tự học, khái quát, hệ thống hóa kiến thức đã học |  |  |
| **16** | Kiểm tra định kỳ giữa HKII | **1** | **Tuần 26** Tiết 26 | 1. Kiến thức:    * Học sinh nắm lại toàn bộ kiến thức đã học    * Biết liên hệ trong thực tiến cuộc sống      1. Kỹ Năng:   Rèn kỹ năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, liên hệ và giải quyết tình huống   * + 1. Tư tưởng, tình cảm:   Qua bài kiểm tra học sinh nhận thức được sự cần thiết của việc học môn GDCD qua đó có thái độ nghiêm túc trong  kiểm tra. | - Kiểm tra trên lớp. | - Kiểm tra tập trung theo kế hoạch nhà trường. |
| **17** | **Bài 12.** Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường | **1** | **Tuần 27** Tiết 27 | 1. Kiến thức:  - Hiểu được khái niệm, vị trí của chính sách tài nguyên bảo vệ môi trường, tình hình và phương hướng, biện pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường.  2. Kỹ năng:  - Vận dụng được những chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.  3. Thái độ hành vi:  - Tin tưởng, ủng hộ chủ trương của nhà nước địa phương và sủ dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.  4. Năng lực: | *-* Dạy học trên lớp và hướng dẫn  cho hs  nghiên cứu học tập ở nhà. | (Gv linh hoạt về phương pháp..) để tổ chức cho HS tìm hiểu  **Mục 1:** Tình hình tài nguyên và môi trường nước ta hiện nay  (**Hướng dẫn hs tự học)**  **Mục 3**: Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường. ( **Hướng dẫn hs tích cực tham gia bảo vệ tài nguyên môi trường)** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | Tự học, làm việc nhóm, khai thác SGK, giải quyết tình huống, tự giác BVMT… |  |  |
| **18** | **Bài 13.** Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa. | **3** | **Tuần 28,29,30**  Tiết 28  29  30 | 1. Kiến thức:   * Hiểu được thế nào là C/S GD-ĐT, KH- CN và văn hóa. Ví trí của các chính sách trên. * Phương hướng,biện pháp cơ bản nhằm phát triển các lĩnh vực trên.  1. Kỹ năng:   Vận dụng được những chính sách trên đối với việc rèn luyện bản thân.   1. Thái độ:  * Tin tưởng và có những việc làm thiết thực, cụ thể đối với chính sách trên.   + Biết tham gia tuyên truyền cs đối ngoại phù hợp khả năng của bản thân.   + Biết quan hệ hữu nghị với nước ngoài. Tích cực học tập văn hoá, ngoại ngữ để có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu hợp tác, hội nhập quốc tế trong tương lai.   4,Năng lực: Phát triển năng lực tự học, tư duy, so sánh, làm việc nhóm, giải quyết  tình huống thực tiễn… | Dạy học  trên lớp và hướng dẫn học sinh học tập tại nhà. | - Tiết 1, 2, 3: Dạy học trên lớp,  (Gv linh hoạt về phương pháp..) để tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung của các chính sách giáo dục - đào  tạo, khoa học - công nghệ và văn hóa.  Mục 4: Trách nhiệm của công dân đối với chính sách giáo dục - đào tạo, khoa học-công nghệ và văn hóa ( **Hướng dẫn học tự học và tích cực thực hiện trách nhiệm của bản thân)** |
| **19** | **Bài 14.** Chính sách quốc  phòng - an ninh. | **1** | **Tuần 31** Tiết 31 | 1. Về Kiến Thức:   * Giúp học sinh hiểu được vai trò nhiệm vụ của Quốc Phòng và An ninh * Phương hướng, biện pháp thực hiên Quốc Phòng- An Ninh   2. Kỹ Năng Thái Độ:  - Xác định được trách nhiệm, nhiệm vụ của học sinh đối với việc thực hiện chính sách Quốc Phòng- An Ninh. | Dạy học trên lớp.  - Tiết 2:  Dạy học  trên lớp kết hợp với nghiên cứu tại nhà. | * Mục 1: Vai trò và nhiệm vụ của chính sách QP-AN. (KKHS tự học) * Mục 3: Trách nhiệm của công dân đối với chính sách QP VÀ AN. Tập trung hướng dẫn HS thực hiện trách nhiệm của bản thân.   Cho học sinh xem phim tài liệu hoặc video ( nếu có) về Chính sách ( công tác) quốc phòng-an ninh,  của nhà nước ta kết hợp nghiên |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | cứu bài học có định hướng của giáo viên  - GV cho HS trình bày và đánh giá qua sản phẩm của HS. |
| **20** | **Bài 15**. Chính sách đối ngoại | **1** | **Tuần 32** Tiết 32 | 1. Về Kiến Thức:  - Nêu được vai trò và nhiệm vụ của chính sách đối ngoại ở nước ta.  -Nêu được những nguyên tắc, phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại ở nước ta hiện nay.  -Hiểu được trách nhiệm của công dân đói với việc thực hiện chính sách đối ngoại  của Nhà nước.  2. Kỹ Năng Thái Độ:  - Biết tham gia tuyên truyền cs đối ngoại phù hợp khả năng của bản thân.  - Biết quan hệ hữu nghị với nước ngoài. Tích cực học tập văn hoá, ngoại ngữ để có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu hợp tác, hội nhập quốc tế trong tương lai.  -Tin tưởng, ủng hộ chính sách đối ngoại của Nhà nước. | Dạy học  trên lớp kết hợp với nghiên cứu tại nhà. | Cho học sinh xem phim tài liệu hoặc video ( nếu có) về Chính sách ( công tác) đối ngoại của nhà nước ta kết hợp nghiên cứu bài học có định hướng của giáo viên  Yêu cầu học sinh viết báo cáo nội dung bài học theo yêu cầu định hướng của giáo viên.  - GV cho HS trình bày và đánh giá qua sản phẩm của HS.  **Mục 4**. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách đối ngoại.  ( Hướng dẫn HS tự học)  -Tập trung hướng dẫn HS thực hiện trách nhiệm của bản thân. |
| **21** | **Ngoại khóa.**  Chuyên đề ngoại khóa đấu tranh Phòng  chống ma túy trong học đường. | **1** | **Tuần 33** Tiết 33 | 1. Kiến thức:   Giúp học sinh biết được tình hình CT, XH ở địa phương   1. Kỹ năng:   Thấy được vai trò của hệ thống chính trị đối với tình hình hiện nay, sự thay đổi về các mối quan hệ XH hiện nay ở địa phương.   1. Thái độ hành vi:   Có ý thức học tập và rèn luyện để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ | *-* Dạy học trên lớp hoặc tổ  chức tập trung cả khối 11 ngoài sân trường. | - Hình thức đố vui để học, đuổi hình bắt chữ… |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | Tổ quốc. |  |  |
| **22** | Ôn tập cuối học kỳ II | **1** | **Tuần 34** Tiết 34 | 1. Kiến thức:   * Giúp HS hệ thống hóa toàn bộ kiến thức trong chương trình học kỳ I. * Nắm được những nội dung theo hướng dân ôn tập theo Ma trân của Sở * Khắc sâu những kiến thức đã học.   2. Kỹ năng:  - Phương pháp ôn tập khoa học để làm bài kiểm tra đạt hiệu quả.  3. Thái độ:  - Phát triển năng lực tự học, khái quát, hệ thống hóa kiến thức đã học | *-* Ôn tập trên lớp. | - GV ôn tập cho HS theo giới hạn chương trình và bảng đặc tả của Sở. |
| **23** | Kiểm tra cuối học kỳ II | **1** | **Tuần 35** Tiết 35 | 1. Kiến thức:  - Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề, tình huống thực tiễn trong đề kiểm tra.  2.Kỹ năng:  - Năng lực độc lập, tư duy, sáng tạo trong quá trình làm bài.  3. Thái độ:  - Nhiêm túc tập trung ôn tập.  4. Năng lực:  - Nghiêm túc, cẩn thận trong kiểm tra để bài kiểm tra đạt kết quả cao. | - Kiểm tra cuối HKII trên lớp. | - Kiểm tra tập trung theo kế hoạch của Sở. |

**PHÊ DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Đại Lộc, ngày 04 tháng 09 năm2022*

**Tổ trưởng chuyên môn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Lương Thị Hoa*

**TRƯỜNG: THPT ĐỖ ĐĂNG TUYEN**. **TỔ: SỬ - ĐỊA - GDCD**.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỊCH SỬ, LỚP 12.**

(Năm học 2022 - 2023.)

## HỌC KÌ I ( 36 Tiết/ 18 Tuần)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề Bài học** | **Số tiết** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức/ địa điểm tổ**  **chức dạy học** | **Gợi ý**  **Hướng dẫn thực hiện** |
| **Tổng** | **Chi tiết** |
| **1** | **Chương I. Bài 1:** Sự hình thành trật tự  thế giới mới sau chiến  tranh thế giới thứ hai. | **1** | **Tuần 1**  Tiết 1 | 1. **Kiến thức**   Nội dung của Hội nghị Ianta và những nét chính về Liên Hợp Quốc và vai trò của Liên hợp quốc với thế giới hiện nay.   1. **Năng lực**   Rèn luyện cho học sinh kỹ năng khai thác kiến thức sách giáo khoa, khai thác tư liệu, phân tích, đánh giá.  Rèn luyện học sinh năng lực: tự học, tự bồi dưỡng kiến thức; thực hành bộ môn lịch sử; vận dụng, liên hệ kiến thức…   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh thấy được vai trò quan trọng của hòa bình từ đó có ý thức bảo vệ hòa bình của nhân loại.  Thấy rõ nguyện vọng chung của nhân dân thế giới là hòa bình, ổn định và phát triển nên xu thế đối thoại, hợp tác là xu  thế chủ đạo. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | Tập trung khai thác Mục I. Hội nghị Ianta (2/1945) và những thỏa thuận của ba cường quốc và Mục II. Sự thành lập Liên hợp quốc. *Tập trung vào sự thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, vai trò của Liên hợp quốc.*  Mục III. *Học sinh tự đọc* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2** | **Chương II. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991).**  **Liên bang**  **Nga (1991-**  **2000)**  **Bài 2.** Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991).  Liên bang Nga (1991-2000) | 2 | **Tuần 1,2**  Tiết : 2 - 3 | 1. **Kiến thức**   Thành tựu Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1945 đến những năm 70 thế kỉ XX.   1. **Năng lực**   Rèn luyện cho học sinh kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, so sánh các sự kiện. Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học.   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh thái độ trân trọng, khâm phục trước tinh thần lao động, sáng tạo của nhân dân Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó thêm quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | - Các nội dung I.1; II.3; III dạy theo quy định. Có thể bố trí các nội dung như sau:   1. Liên Xô từ năm 1945 đến giữa những năm 70. 2. Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu. 3. Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000.   *Phần này hướng dẫn học sinh tự học theo gợi ý:* |
| **3** | **Chương III**  **:Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh**  **Bài 3.** Các nước Đông Bắc Á | 1 | **Tuần 2**  Tiết 4 | 1. **Kiến thức**   Tình hình khu vực Đông Bắc Á sau chiến tranh thế giới thứ hai.  Sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự kiện đó. Công cuộc cải cách – mở cửa (từ 1978)   1. **Kỹ năng**   Rèn luyện cho học sinh kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện.  Năng lực đánh giá, năng lực tổng hợp.   1. **Phẩm chất**   Nhận thức rõ sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên không chỉ là kết quả đấu tranh của nhân dân các  nước này mà là kết chung của nhân dân | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Mục I dạy theo quy định. * Mục II.1: Chỉ tập trung vào sự kiện: Sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự kiện đó. * Mục II.2: *Học sinh tự đọc.* * Mục II.3: Công cuộc cải cách – mở cửa (từ 1978): Chỉ tập trung vào đường lối, mục tiêu và thành tựu nổi bật |

|  |  |
| --- | --- |
| Vị thế quốc tế |  |
| Kinh tế |  |
| Chính trị |  |
| Đối ngoại |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | các dân tộc áp bức trên thế giới.  Giáo dục cho học sinh nhận thức đúng đắn về công cuộc xây dựng CNXH ở Trung Quốc từ đó liên hệ với Việt  Nam và rút ra những bài học bổ ích. |  |  | | |
| **4** | **Bài 4.** Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ | 2 | **Tuần 3**  Tiết 5-6 | 1. **Kiến thức**   Những nét chính quá trình đấu tranh giành độc lập tại Đông Nam Á  Sự ra đời và phát triển của ASEAN Sự phát triển của cách mạng Ấn Độ  sau Chiến tranh thế giới thứ hai   1. **Năng lực**   Năng lực nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ sự kiện lịch sử; năng lực thực hành bộ môn lịch sử…  Rèn luyện cho học sinh kỹ năng khái quát, tổng hợp vấn đề, phân tích, so sánh.   1. **Thái độ**   Giáo dục cho học sinh nhận thức đúng đắn về quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á và Ấn Độ. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | **Tiết 1**   * Mục I.1 dạy theo quy định.   - Mục I.1.b.c. Lào (1954 - 1975) và  Campuchia (1945 - 1993): Hướng dẫn HS lập bảng các giai đoạn chính của cách mạng Lào và Cam-pu-chia.   * I. 2a. Nhóm các nước sáng lập ASEAN: hướng dẫn học sinh lập bảng về 2 chiến lược phát triển. * Mục I: 2b, 2c (không dạy)   **Tiết 2:**  Gồm nội dung về ASEAN và Ấn Độ.   * Mục I: . Sự ra đời và phát triển của ASEAN * Mục. II. Ấn Độ: Dạy theo quy định.   *Riêng mục II.2 GV có thể hướng dẫn học sinh lập bảng tự tìm hiểu những thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.* Gợi ý lập bảng:  **Những thành tựu của Ấn Độ sau độc lập** | | |
|  |  |  |  |  |  | **Lĩnh vực** | **Thành tựu** |
|  |  |  |  |  | Kinh tế |  |
|  |  |  |  |  | Khoa học – Kĩ thật |  |
|  |  |  |  |  | Chính trị |  |
|  |  |  |  |  | Đối ngoại |  |
|  |  |  |  |  | Vị thế quốc tế |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **5** | **Bài 5. C**ác nước châu Phi và Mĩ Latinh | 1 | **Tuần 4**  Tiết 7 | 1. **Kiến thức**   Những nét chính về quá trình giành độc lập tại Châu Phi và Mĩ Latinh.  Đặc điểm của quá trình đấu tranh đó.   1. **Năng lực**   Năng lực xác định và giải quyết mối quan hệ, ảnh hưởng, tác động của các sự kiện; năng lực giao tiếp…  Rèn luyện cho học sinh kỹ năng lựa chọn những sự kiện tiêu biểu để khái quát, tổng hợp vấn đề, kĩ năng khai thác lược đồ.   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh nhận thức đúng đắn về quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Châu Phi, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Châu Phi, chia sẻ những khó khăn của nhân dân Châu Phi phải đối mặt. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Các mục I.1; II.1 dạy theo quy định. * Các mục I.2; II.2: *Học sinh tự học.* * GV nên cho HS chuẩn bị 3 bảng hệ thống kiến thức:  1. Các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi. 2. Các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh. 3. So sánh phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và MLT   Gợi ý: | | | |
|  |  | Châu Phi | Mĩ Latinh |
| Đối tượng |  |  |
| Lãnh đạo |  |  |
| Hình thức đấu tranh |  |  |
| Mức độ độc lập |  |  |
|  | | | |
| **6** | **Chủ đề:** Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 -  2000) | 3 | **Tuần 4,5**  Tiết 8,9,  10 | 1. **Kiến thức**   Các giai đoạn phát triển của nước Mĩ, Tây âu, Nhật Bản và những thành tựu đạt được về kinh tế.  Nhận thức được vai trò của Mĩ, Tây âu, Nhật Bản trong đời sống chính trị thế giới và quan hệ quốc tế.  Chính sách đối ngoại của Mĩ, Tây âu, Nhật Bản.   1. **Năng lực**   Năng lực thực hành bộ môn: Khai thác và sử dụng kênh hình có liên quan | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | **-** Dạy theo từng nước  - Các nội dung dạy theo quy định.  **Tiết 1**:Nước Mĩ Tập trung vào 2 nội dung:   1. Sự phát triển kinh tế, KH-KT. 2. Chính sách đối ngoại   **Tiết 2. Tây Âu** tập trung vào các nội dung:   1. Sự phát triển kinh tế, KH-KT . 2. Chính sách đối ngoại 3. Liên minh Châu Âu (EU)   **Tiết 3. Nhật Bản** tập trung vào các nội | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tới bài học; năng lực tổng hợp, liên hệ, so sánh đối chiếu.  Rèn luyện cho học sinh kỹ năng lựa chọn những sự kiện tiêu biểu để khái quát, tổng hợp vấn đề, kỹ năng phân tích.  **3. Phẩm chất**  Giáo dục cho học sinh nhận thức đúng đắn khách quan, toàn diện về nước Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Từ đó càng tự hào hơn về cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Việt Nam.  Nhận thức sâu sắc hơn về xu thế chủ đạo của thừi đại là xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển mà Liên minh Châu Âu  Giáo dục cho học sinh tinh thần tự lực tự cường trong cuộc sống. |  | dung:   1. Sự phát triển " thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản. 2. Chính sách đối ngoại   \* Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản không dạy. *(học sinh tự học)* |
| **7** | Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh. | 1 | **Tuần 6**  Tiết 11 | 1. **Kiến thức**   Quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai với đặc trưng lớn có tính bao trùm là sự đối đầu giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Những sự kiện đưa đến Chiến tranh lạnh. Những thay đổi trong quan hệ quốc tế từ những năm 70 của thế kỉ XX. Chiến tranh lạnh kết thúc.   1. **Năng lực**   Rèn luyện cho học sinh kỹ năng khai thác kiến thức sách giáo khoa, khai thác tư liệu, phân tích, đánh giá.  Rèn luyện học sinh năng lực: tự học, tự bồi dưỡng kiến thức; thực hành bộ | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Mục I; III: Dạy theo quy định * Mục II: *Học sinh tự học.* * Mục IV. Thế giới sau Chiến tranh lạnh, *Tích hợp với phần II bài 11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000.* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | môn lịch sử; vận dụng, liên hệ kiến thức…  **3. Phẩm chất**  Thấy rõ nguyện vọng chung của nhân dân thế giới là hòa bình, ổn định và phát triển nên xu thế đối thoại, hợp tác là xu thế chủ đạo. |  |  |
| **8** | **Bài 10.** Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX | 1 | **Tuần 6**  Tiết 12 | 1. **Kiến thức**   Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. Xu thế Toàn cầu hóa là hệ quả tất yếu của cách mạng khoa học- công nghệ và là xu thế chủ đạo của thế giới ngày nay.   1. **Năng lực:**   Rèn luyện cho học sinh kĩ năng phân tích, so sánh, liên hệ.  Năng lực tự học; năng lực vận dụng, liên hệ kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn…   1. **Phẩm chất:**   Giáo dục cho học sinh thấy tầm quan trọng của cách mạng khoa học- công nghệ đối với sự phát triển của loài người. Từ đó nhận thức tuổi trẻ Việt Nam trước yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Mục I.1: Dạy theo quy định. * Mục I. 2. Những thành tựu tiêu biểu. (*Học sinh tự học)* * Mục III: Dạy theo quy định. |
| **9** | **Bài 11**. Tổng  kết lịch sử thế giới hiện đại | 1 | **Tuần 7**  Tiết | **1. Kiến thức**  Giúp học sinh khái quát được 6 nội dung chính của lịch sử thế giới hiện đại | Dạy học trên  lớp kết hợp với hướng | - Các nội dung  1. Những nội dung chủ yếu của lịch sử  thế giới hiện đại sau 1945 (dạy theo quy |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | từ năm 1945  đến năm 2000. |  | 13 | từ 1945-2000: Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc, chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh, cách mạng khoa học- công nghệ.   1. **Năng lực**   Rèn luyện cho học sinh kĩ năng tổng hợp, liên hệ, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác…  Năng lực thực hành bộ môn: Khai thác và sử dụng kênh hình có liên quan tới bài; năng lực tổng hợp.   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh thấy được những thay đổi to lớn của thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Từ đó nhận thức vai trò, trách nhiệm của tuổi trẻ Việt Nam trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc. | dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | định.)  2. Xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh (*Tích hợp với phần IV bài 9- Quan hệ quốc tế thời kì sau Chiến tranh lạnh.* ) |
| **10** | **Bài 12:** Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm  1925 | 2 | **Tuần 7,8**  Tiết 14  15 | 1. **Kiến thức**   Cuộc khai thác thuộc địa lần 2 của Pháp tại Đông Dương và tác động đến Việt Nam.  Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.   1. **Năng lực**   Năng lực tự học, năng lực thông qua sử dụng ngôn ngữ lịch sử thể hiện chính  kiến của mình về các vấn đề lịch sử. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | **Tiết 1**  Mục I.1 và 3 dạy theo quy định.  *Mục I.3 GV hướng dẫn học sinh lập bảng về sự phân hóa giai cấp, đặc điểm và thái độ chính trị của các giai cấp. Tập trung vào nội dung Sự phân hóa giai cấp.*  *-* Mục I.2: *Học sinh tự học.*  **Tiết 2:** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | Rèn luyện cho học sinh kĩ năng phân tích, nhận xét, so sánh, làm việc với sgk.  **3. Phẩm chất**  Giáo dục cho học sinh tinh thần yêu nước và thấy được vai trò của các giai cấp trong xã hội Việt Nam. |  | * Mục II.1 và II.2: *Học sinh tự học.* * Mục II.3: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.   *Mục này GV hướng dẫn HS tự lập bảng trước ở nhà:* | | | |
|  | Thời gian | Sự kiện | Ý nghĩa |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **11** | **Ôn tập giữa kì I** | 1 | **Tuần 8**  Tiết 16 | 1. **Về kiến thức:**   Hệ thống hóa toàn bộ khóa trình lịch sử thế giới từ 1945 – 2000 đã học.   1. **Về kĩ năng:**  * Bồi dưỡng kĩ năng lựa chọn kiến thức, phân tích tổng hợp * Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức để giải các bài tập lịch sử.   **3. Phẩm chất**   * Có thái độ nghiêm túc và tự lực trong học tập. * Lòng đam mê, yêu thích trong lao động | kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và  khuyến khích học sinh tự học ở nhà | GV chuẩn bị hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm và tổ chức cho HS làm các bài tập trắc nghiệm. | | | |
| **12** | **Kiểm tra giữa kì I** | 1 | **Tuần 9**  Tiết 17 | **1. Kiến thức**  Những kiến thức quan trọng trong chương trình lịch sử thế giới 1945-2000 **2.Năng lực**  Năng lực thực hành bộ môn lịch sử; năng lực nhận xét; năng lực so sánh, phân tích...  Rèn luyện cho học sinh kĩ năng trình bày vấn đề lịch sử, vận dụng kiến thức lịch sử để trả lời các câu hỏi trác nghiệm  **3. Phẩm chất** | Kiểm tra tập trung | Thực hiện theo kế hoạch kiểm tra của Sở GD. | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch  sử. Đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập. |  |  |
| **13** | **Bài 13:** Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm  1930 | 2 | **Tuần 9,10**  Tiết 18  19 | 1. **Kiến thức**   Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức cách mạng.  Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời   1. **Năng lực**   Năng lực tự học, năng lực thông qua sử dụng ngôn ngữ lịch sử thể hiện chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử.  Rèn luyện cho học sinh kĩ năng phân tích, nhận xét, so sánh, làm việc với sgk.   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh tinh thần yêu nước và thấy được vai trò của các giai cấp trong xã hội Việt Nam. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | **Tiết 1:**  I. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức cách mạng.   * Mục1. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. * Mục 2. Tân Việt Cách mạng đảng * Mục 3. Việt Nam Quốc dân đảng.   **Tiết 2:**   1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời: *Dạy theo quy định*    1. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929.    2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| **14** | **Chương: Việt Nam từ năm 1930 đến năm**  **1945.**  **Bài 14.** Phong trào cách  mạng 1930 -  1935 | 2 | **Tuần 10-11**  Tiết 20  21 | **1. Kiến thức**  Trình bày được nhưng nét chính về ảnh hưởng của sư khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) và sư tác động đến tình hình kinh tế, đời sống của xã hội Việt Nam  Trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ-Tĩnh.  Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt  Nam (10-1930). Những điểm chính trong | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | **-** Các Mục I; II: dạy theo quy định.  **Tiết 1:** dạy mục I và II.1;2   * Mục I. giới thiệu ngắn gọn tình hình kinh tế, xã hội, chính trị để qua đó xác định nguyên nhân dẫn đến phong trào cách mạng 1930 - 1931. * Mục II. Mục diễn biến phong trào kết hợp sơ đồ phát triển và lược đồ. Tập trung vào những mốc thời gian quan trọng, không sử dụng nhiều thời gian cho nội dung này.   **Tiết 2:** Dạy mục II.3;4   * Mục III: không dạy*.*   Chú ý: Mục II.3 - Nội dung Hội nghị lần |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | luận cương tháng 10-1930.   1. **Năng lực**   Năng lực tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử; năng lực phân tích  Rèn luyện cho học sinh kĩ năng làm việc với sgk và các nguồn tư liệu, kĩ năng so sánh   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh thấy được vai trò quan trọng quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam với cách mạng Việt Nam, tự hào và tin tưởng vào sự lãnh đạo  của Đảng cộng sản. |  | thứ nhất BCH TƯ lâm thời ĐCS VN (10  - 1930): Cần so sánh với Cương lĩnh  chính trị đầu tiên của Đảng, từ đó rút ra những điểm giống và khác nhau. | | | |
|  | Nội dung | Cương lĩnh chính trị | Luận cươn chính trị |
| Đường lối CL |  |  |
| Nhiệm vụ CM |  |  |
| Lực lượng CM |  |  |
| Lãnh đạo |  |  |
| Mối quan hệ với CM TG |  |  |
|  | | | |
| **15** | **Bài 15.** Phong trào dân chủ 1936 - 1939 | 1 | **Tuần 11**  Tiết 22 | 1. **Kiến thức**   Nêu được bối cảnh Việt Nam trong những năm 1936-1939.  Nêu được những điểm chính trong chủ trương của đảng và những phong trào tiêu biểu. Nêu một số kết quả và kinh nghiệm đấu tranh công khai, hợp pháp   1. **Năng lực**   Rèn luyện kỹ năng sử dụng SGK - kỹ năng phân tích, đánh giá và tổng hợp   1. **Phẩm chất**   Năng lực thực hành bộ môn: Khai thác và sử dụng kênh hình; năng lực tổng hợp, liên hệ, so sánh đối chiếu.  Giáo dục cho học sinh niềm tin vào  Đảng cộng sản trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Các mục I.1; II.1; II.2a; II.3: dạy theo quy định. * Mục I.2.Tình hình trong nước. (chỉ khái quát những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội*)* * Mục II.2b. Đấu tranh nghị trường,   *(Hướng dẫn học sinh đọc thêm)*   * Mục II.2c.Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí. *(Hướng dẫn học sinh đọc thêm)* | | | |
| **16** | **Bài 16.** Phong | 3 | **Tuần** | **1. Kiến thức** | Dạy học trên | - Các mục dạy theo quy định. | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng  Tám (1939-  1945). Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời |  | **12-13**  Tiết 23  24  25 | Nêu được tình hình chính trị, kinh tế - xã hội Việt Nam trong những năm 1939  – 1945.  Trình bày được rõ sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu thông qua nội dung của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI (11 - 1939), lần thứ VII (11 - 1940) và Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII (5-1941), đó là đường lối cách mạng đúng đắn thể hiện sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.  Trình bày được quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền:  Nêu và hiểu được những sự kiện chủ yếu công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền : sự phát triển của mặt trận Việt Minh, thành lập đội Việt Nam Tuyên Truyền giải phóng quân, xây dựng căn cứ địa cách mạng….  Sự kiện Nhật Hoàng đầu hàng Đồng minh không điều kiện đã tạo ra thời cơ " Ngàn năm có một" cho cách mạng Việt Nam tiến hành tổng khởi nghĩa.  Sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2/9/1945.  Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.  **2. Năng lực**  Hình thành năng lực tự học; năng lực tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử; năng  lực xác định, giải quyết mối liên hệ, ảnh | lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | - Mục II.2: khuyến khích h*ọc sinh tự học.*  **Tiết 1.**  Mục I. Tình hình Việt Nam trong những năm 1939 - 1945.  Mục II. Sự chuyển hướng chỉ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.   1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 11 - 1939. 2. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 5 - 1941. **Tiết 2** 3. Quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.   (Mục II.4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền và Mục III.2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa . Tích hợp thành một mục 3. Quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. *Hướng dẫn HS lập bảng những sự kiện chính*)  Mục III. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.   1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8.1945)   **Tiết 3:**   1. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.   Mục IV. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2.9.1945)  Mục V. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm1945. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | hưởng tác động giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử với nhau.  Củng cố kĩ năng phân tích, kĩ năng sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo để nhận thức, đánh giá sự kiện lịch sử.  Kỹ năng sử dụng lược đồ, bản đồ, tranh ảnh tư liệu lịch sử.  **3. Thái độ**  Giáo dục cho học sinh niềm tin vào Đảng cộng sản trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, niềm tin vào sức mạnh của quần chúng nhân dân. |  |  |
| **17** | **Chương III. Việt Nam từ năm 1945 đến**  **năm 1954.**  **Bài 17.** Nước VNDCCH từ  sau ngày 2 - 9  - 1945 đến  trước 19 -12 -  1946. | 2 | **Tuần 13-14**  Tiết 26  27 | 1. **Kiến thức**   Trình bày được những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945; xác định được khó khăn lớn nhất.  Hiểu được tác dụng, ý nghĩa của những biện pháp của Đảng và Chính phủ ta trong việc giải quyết những khó khăn của đất nước sau Cách mạng tháng Tám.   1. **Năng lực**   Năng lực thực hành: Năng lực khai thác kênh hình; năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá...  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá tình  hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | - Các nội dung dạy theo quy định. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **3. Phẩm chất**  Bồi dưỡng học sinh lòng yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí  Minh, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam |  |  |
| **18** | **Bài 18.** Những năm đầu của cuộc kháng  chiến toàn quốc chống  thực dân Pháp (1946 - 1950). | 3 | **Tuần 14-15**  Tiết 28  29  30 | **1. Kiến thức**   * Trình bày được âm mưu và hành động của Pháp, chủ trương phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp của Đảng ta. * Nhận xét được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp. * Phân tích được nội dung đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng. * Trình bày được, hiểu được hoàn cảnh, diễn biến, kết quả, ý nghĩa lịch sử của những thắng lợi quân sự tiêu biểu trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954): Cuộc chiến đấu trong các đô thị Bắc vĩ tuyến 16, Việt Bắc thu - đông 1947, Biên Giới thu - đông 1950   **2. Năng lực**   * Năng lực: Năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá * Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định về đường lối kháng chiến của Đảng.   **3. Phẩm chất**  Giáo dục cho học sinh niềm tin vào | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Các mục I; II.1; III.1; IV: Dạy học theo quy định * Mục II.2.Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài: (*Học sinh tự học.)* * Mục III.2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn diện: *(Học sinh tự học.)* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | Đảng cộng sản trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, niềm tin vào sức mạnh của quần chúng nhân dân. |  |  |
| **19** | **Bài 19**. Bước phát triển của cuộc kháng  chiến chống thực dân Pháp (1951 - 1953). | 1 | **Tuần 16**  Tiết 31 | 1. **Kiến thức**   Mĩ can thiệp sâu vào Chiến tranh Đông Dương và kế hoạch Đolatdo- Tatxinhi đã đẩy cuộc chiến tranh lên qui mô ác liệt hơn. Quá trình xây dưng hậu phương vững mạnh về mọi mặt.   1. **Năng lực**   Năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá; năng lực giao tiếp...  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định.   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh niềm tin vào Đảng cộng sản trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, niềm tin vào sức mạnh của quần chúng nhân dân. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Các mục: I.; II: Dạy học theo quy định. * Mục III. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt. (*Chỉ tập trung sự kiện chính về chính trị, kinh tế.)* * Mục IV: Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động chiến lược...(*Học sinh tự đọc.)* |
| **20** | **Bài 20.** Cuộc kháng chiến  toàn quốc  chống thực dân Pháp kết thúc (1953 -  1954). | 2 | **Tuần 16,17**  Tiết 32  33 | **1. Kiến thức**   * Nêu và nhận xét được nội dung, ý nghĩa, hạn chế của Hiệp định Giơ-ne-vơ * Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. * Vận dụng phần nguyên nhân thắng lợi   của kháng chiến chống Pháp rút ra bài học cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Mục I; II; IV: Dạy theo quy định. * Mục III. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lặp lại hòa bình ở Đông Dương. (*Tập trung vào nội dung, ý nghĩa, hạn chế của Hiệp định Giơnevơ.)*   - |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | nay.  **2. Năng lực**   * Qua bài học cần hình thành cho học sinh một số năng lực: Năng lực tự học; Năng lực giao tiếp, làm chủ ngôn ngữ; năng lực khai thác thông tin, sử dụng Internet; năng lực tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử... * Rèn kỹ năng phân tích, khái quát, nhận xét rút ra ý nghĩa lịch sử của các sự kiện * Củng cố kĩ năng phân tích, kĩ năng sử dụng sách giáo khoa, tào liệu tham khảo, quan sát tranh ảnh lược đồ....để nhận thức, đánh giá sự kiện lịch sử: Hiệp định Giơnevo và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. * Kỹ năng sử dụng lược đồ, bản đồ, tranh ảnh tư liệu lịch sử.   **3. Phẩm chất**  Giáo dục cho học sinh niềm tin vào Đảng cộng sản trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, niềm tin vào sức mạnh của quần chúng nhân dân. |  |  |
| **21** | **Ngoại khóa:** Thuyết trình về một số vấn đề quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện  nay. | 1 | **Tuần 17**  Tiết 34 | 1. ***Về kiến thức:*** Giúp HS biết được *n*hững sự kiện quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện nay. 2. ***Về kĩ năng:*** Rèn luyện kĩ năng tư duy khái quát; biết nhận định, đánh giá | -Dạy học trên lớp.  -HS thuyết trình | * GV hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho HS các nhóm về nhà chuẩn bị trước nội dung thuyết trình. * Sau đó GV tổ chức cho HS thuyết trình và nhận xét, đánh giá về các nội dung mà các em đã chuẩn bị. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | những vấn đề lớn trong quan hệ quốc tế hiện nay.  **3. Phẩm chất**  Giáo dục cho học sinh thấy được những thay đổi to lớn của thế giới sau. Từ đó nhận thức vai trò, trách nhiệm của tuổi trẻ Việt Nam trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc. |  |  |
| **22** | **Ôn tập kiểm tra cuối**  **học kì I** | 1 | **Tuần 18**  Tiết 35 | **1. Về kiến thức:**   * Hệ thống hóa toàn bộ khóa trình lịch sử đã học. Giúp học sinh nắm bắt phần   trọng tâm kiến thức theo ma trận kiểm tra học kì I   * Phân kì Lịch sử Việt Nam từ 1918- 1954.   **2. Về kĩ năng:**   * Bồi dưỡng kĩ năng lựa chọn kiến thức, phân tích tổng hợp * Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức để giải các bài tập lịch sử.   **3. Phẩm chất**   * Có thái độ nghiêm túc và tự lực trong học tập. * Lòng đam mê, yêu thích trong lao động | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | GV chuẩn bị hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm và tổ chức cho HS làm các bài tập trắc nghiệm. |
| **23** | **Kiểm tra cuối kì I** | 1 | **Tuần 18**  Tiết 36 | 1. **Kiến thức**   Học sinh hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã học. Khắc sâu kiến thức cơ bản.   1. **Năng lực** | Kiểm tra tập trung | Thực hiện theo kế hoạch của Sở GD và của nhà trường. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | Kĩ năng vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.  Kĩ năng trình bày vấn đề lịch sử, trả lời các câu hỏi TNKQ.  **3. Phẩm chất**  Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử. |  |  |
| **HỌC KÌ II ( 17 Tiết/ 17 Tuần)** | | | | | | |
| **23** | **Chương IV:** Lịch sử Việt Nam từ 1954  đến 1975.  **Bài 21**. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc MĨ và  chính quyền Sài Gòn ở miền Nam  ( 1954-1965) | 3 | **Tuần 19,**  **20,21**  Tiết 37,38  ,39. | 1. **Kiến thức**   Tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta sau Hiệp định Gi-ne-vo 1954.  Miền Nam chiến đấu chống lại các chiến lược lược chiến tranh của đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai từ 1954-1965.  Những thắng lợi quan trọng của quân và dân miền Nam chống lược chiến tranh của đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai từ 1954-1965.   1. **Năng lực**   Năng lực thực hành: Năng lực khai thác kênh hình; năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá.  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá tình hình nước ta sau Hiệp đinh Gio-ne-vo  1954.. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | **Mục II.** Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954-1960) *( Khuyến khích HS tự học)*  **Mục III. 1**. Đấu trranh chống chế độ Mĩ- Diệm giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954-1959) *( Khuyến khích HS tự học)*  **Mục IV, 2**. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965)*( Khuyến khích HS tự học)* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **3. Phẩm chất**  Bồi dưỡng học sinh lòng yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc,truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam, niềm tin  vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, |  |  |
| **24** | **Bài 22**: Nhân dân hai miền  trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965-1973) |  | **Tuần**  22  Tiết 40  **Tuần**  23  Tiết 41  **Tuần**  24  Tiết 42 | 1. **Kiến thức**   Các chiến lược chiến tranh của Mĩ ( 1965-1973)  Miền Nam chiến đấu chống lại các chiến lược lược chiến tranh của đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai từ 1965-1973.  Những thắng lợi đạt được của nhân dân hai miền Nam- Bắc trong các năm 1965-1973, thắng lợi quan trọng nhất là Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam  Miền Bắc thực hiện nhiệm vụ chi viện cho miền Nam từ 1954-1973   1. **Năng lực**   Năng lực thực hành: Năng lực khai thác kênh hình; năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá.  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá tình hình nước ta sau Hiệp đinh Gio-ne-vo 1954..   1. **Phẩm chất**   Bồi dưỡng học sinh lòng yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc,truyền thống | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * **Mục I.2** Chiến đấu chống chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ: Chỉ tập trung vào chiến thắng Vạn Tường năm 1965. * **Mục I.3** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu thân 1968: Tập trung vào ý nghĩa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. * **Mục II.** Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừ sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương ( 1965-1968): *không dạy. Tích hợp phần vai trò của Hậu phương miền Bắc sang phần IV, 2.* * **Mục III.2**: Không dạy “Đông Dương hóa chiến tranh”. Chỉ tập trung vào thắng lợi về chính trị và ngoại giao. * **Mục III.3** : Chỉ tập trung vào ý nghĩa của Cuộc tiến công chiến lược năm 1972. * **Mục IV. 1**: không dạy * **Mục IV.2** : Tập trung vào kết quả, ý nghĩa của trận Điện Biên Phủ trên không và vai trò của hậu phương miền Bắc. * **Mục V**: Chỉ tập trung vào nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973. **Chú ý:** *Việc phân phối số tiết trong chủ*   *đề có tính tương đối. GV linh hoạt thực* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | đoàn kết của dân tộc Việt Nam, niềm tin |  | *hiện.* | | | | |
| vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch | 4. Các chiến lược chiến tranh của Mĩ ở | | | | |
| Hồ Chí Minh, | miền Nam Việt Nam từ 1961 - 1973. | | | | |
|  | **-** Yêu cầu học sinh so sánh các chiến | | | | |
|  | lược chiến tranh của đế quốc Mĩ ở miền | | | | |
|  | Nam Việt Nam. | | | | |
|  |  |  | **Chiến** | **Chiến** | **VN hóa** |
|  | **tranh đặc** | **tranh cục** | **chiến tranh** |
|  | **biệt** | **bộ** |  |
|  | Lực |  |  |  |
|  | lượng |
|  | tiến hành |
|  | Âm mưu |  |  |  |
|  | Thủ đoạn |  |  |  |
|  | Những |  |  |  |
|  | thắng lợi |
|  | tiêu biểu |
|  | (quân sự, |
|  | chính trị, |
|  | ngoại |
|  | giao) |
| **25** | **Bài 23.** Giải phóng hoàn toàn Miền Nam 1973 -  1975 | 2 | **Tuần**  25  Tiết 43  **Tuần**  26  Tiết 44 | **1. Kiến thức**  Âm mưu của mĩ- Ngụy sau Hiệp định Pari năm 1973.  Những thắng lợi của nhân dân miền Nam đạt được sau Hiệp định Pari 1973.  Chủ trương kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Đảng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.  Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống mĩ cứu nước. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Mục I: *Học sinh tự đọc.* * Mục II: Tập trung vào sự kiện Hội nghị 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chiến thắng Phước Long. * Các nội dung còn lại dạy theo quy định. | | | | |
|  |  |  |  | **2. Năng lực** |  |  | | | | |
|  |  |  |  | Năng lực khai thác kênh hình; năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi |  |  | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá; năng lực trình bày,phản biện...  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá  **3. Phẩm chất**  Bồi dưỡng học sinh lòng yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc,truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.  Giáo dục cho học sinh thấy được tinh thần yêu chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam, khát vọng thống nhất của nhân dân hai miền Nam- Bắc. |  |  |
| **26** | **Ôn tập giữa kì II** | 1 | **Tuần**  27  Tiết 45 | **1. Về kiến thức:**  - Hệ thống hóa toàn bộ khóa trình lịch sử đã học. Giúp học sinh nắm bắt phần  trọng tâm kiến thức  **2. Về kĩ năng:**   * Bồi dưỡng kĩ năng lựa chọn kiến thức, phân tích tổng hợp * Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức để giải các bài tập lịch sử.   **3. Phẩm chất**   * Có thái độ nghiêm túc và tự lực trong học tập. * Lòng đam mê, yêu thích trong lao động | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | GV chuẩn bị hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm và tổ chức cho HS làm các bài tập trắc nghiệm. |
| **27** | **Kiểm tra giữa kì II.** | 1 | **Tuần**  28  Tiết 46 | 1. **Kiến thức**   Học sinh hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã học. Khắc sâu kiến thức cơ bản.   1. **Năng lực:**   Kĩ năng phân tích đề**.** Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết | Kiểm tra tập trung | Thực hiện theo kế hoạch của Sở GD và của nhà trường. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | những vấn đề thực tiễn  Rèn luyện cho học sinh kĩ năng trình bày vấn đề lịch sử, Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ.  **3. Phẩm chất:**  Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử. Đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập. |  |  |
| **28** | **Chủ đề:** Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng  chiến chống Mĩ, cứu nước 1975 và xây dựng CNXH, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986) | 1 | **Tuần**  29  Tiết 47 | 1. **Kiến thức**   Học sinh cần nắm được tình hình đất nước ta sau 1975, nhiệm vụ nước ta trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoàn thành thống nhất đất nước.  Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc (1975-1979).   1. **Năng lực**   Năng lực khai thác kênh hình có liên quan; năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá.  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá   1. **Phẩm chất**   Bồi dưỡng lòng yêu nước, tình cảm ruột thịt Bắc – Nam, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc, niềm tin vào tiền  đồ cách mạng. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | * Mục I; III (bài 24): Dạy theo quy định. * Mục II (bài 24): không dạy *Học sinh tự học.* * Mục I (bài 25): khuyến khích h*ọc sinh tự học.* * Mục II: Dạy theo quy định. |
| **29** | **Bài 26**. Đất | 1 | **Tuần** | **1. Kiến thức** | Dạy học trên | - Mục II. Quá trình thực hiện đường lối |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 – 2000) |  | 30  Tiết 48 | Sự cần thiết phải đổi mới đi lên trên con đường xã hội chủ nghĩa.  Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986) và đường lối đổi mới đất nước.  Những thành tựu bước đầu đạt được của công cuộc đổi mới đất nước.   1. **Năng lực**   Định hướng phát triển năng lực tự học, năng lực khai thác tư liệu.  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh lòng yêu quê hương đất nước và ý thức vươn lên trong học tập. | lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | đổi mới 1986- 2000. (khuyến khích HS tự học)  - Các nội dung còn lại dạy theo quy định. |
| **30** | **Bài 27:** Tổng kết lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 2000 | 1 | **Tuần**  31  Tiết 49 | 1. **Kiến thức**   Nội dung chính của lịch sử dân tộc qua từng giai đoạn  Nguyên nhân cơ bản và quyết định quá trình phát triển của lich sử dân tộc, phương hướng phát triển của đất nước, bài học kinh nghiệm.   1. **Năng lực**   Định hướng phát triển năng lực tự học, năng lực khai thác tư liệu.  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh lòng yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và ý  thức vươn lên trong học tập. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | Các nội dung dạy theo quy định.  1- Các thời kì phát triển của lịch sử dân tộc  - Thời kì 1919-1930  - Thời kì 1930-1945  - Thời kì 1945-1954  - Thời kì 1954-1975  - Thời kì 1975-2000 (Cả nước tiến lên CNXH)  2- Nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **31** | **Lịch sử địa phương:**  Tìm hiểu cuộc kháng chiến  chống mỹ cứu nước của nhân dân huyện Đại Lộc (1954-  1975) | 2 | **Tuần**  32  Tiết 50  **Tuần**  33  Tiết 51 | 1. **Kiến thức:** HS nắm được những nét   cơ bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ , cứu nước của nhân dân huyện Đại Lộc  cùng góp phần thắng lợi chung của dân tộc.   1. **Kỹ năng:**  * Rèn luyện kỹ năng liên hệ giữa lịch sử địa phương và lịch sử dân tộc. * Rèn luyện kỹ năng so sánh , phân tích lịch sử địa phương và lịch sử dân tộc.   **3. Phẩm chất:**  **-** Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước  , lòng tự hào về truyền thống của quê hương.  - Hoàn thành được nghĩa vụ, trách nhiệm đối với quê hương trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế -XH hiện nay. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu thêm ở nhà | GV tập trung vào các nội dung sau:   * Chủ trương của Đảng bộ huyện Đại Lộc sau Hiệp định Giơnevơ 1954. * Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứư nước của nhân huyện Đại Lộc (1954-1975)   . + Phong trào đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang (1954-1960)  + Phong trào đấu tranh chống" chiến tranh đặc biệt" của Mỹ (1961-1965)  + Phong trào đấu tranh giải phóng Đại Lộc (1965-1975) |
| **32** | **Ôn tập kiểm tra cuối học kì II** | 1 | **Tuần**  34  Tiết 52 | 1. **Kiến thức**   Những kiến thức chính của lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954 - 2000.   1. **Năng lực**   Định hướng phát triển năng lực tự học, năng lực khai thác tư liệu.  Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá   1. **Phẩm chất**   Giáo dục cho học sinh lòng yêu quê hương đất nước và ý thức vươn lên trong học tập. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà | GV chuẩn bị hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm và tổ chức cho HS làm các bài tập trắc nghiệm. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **33** | **Kiểm tra cuối kì II** | 1 | **Tuần**  35  Tiết 53 | 1. **Kiến thức**   Học sinh hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã học. Khắc sâu kiến thức cơ bản.   1. **năng lực:**   Kĩ năng phân tích đề**.**  Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn  Rèn luyện cho học sinh kĩ năng trình bày vấn đề lịch sử, Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ.   1. **Phẩm chất:**   Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử. Đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập. | Kiểm tra tập trung | Thực hiện theo kế hoạch của Sở GD và của nhà trường. |

**Phê duyệt của Ban Giám hiệu: Đại Lộc, ngày 04 tháng 0 9 năm 2022 Tổ trưởng chuyên môn**

**Lương Thị Hoa**

# TRƯỜNG: THPT ĐỖ ĐĂNG TUYEN. TỔ: SỬ - ĐỊA - GDCD.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

# Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỌC KÌ I ( 18 Tuần/ 18 tiết)

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁO DỤC CÔNG DÂN, LỚP 12.**

(Năm học 2022 – 2023.) CẢ NĂM 35 TIẾT

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề Bài học** | **Số tiết** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức/ địa điểm tổ chức dạy học** | **Gợi ý**  **Hướng dẫn thực hiện** |
| **Tổng** | **Chi tiết** |
| **1** | **Bài 1:** Pháp luật và đời sống. | 2 | 1  2 | ***1. Về kiến thức :***   * Nêu được khái niệm, đặc trưng mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức. * Hiểu được vai trò của pháp luật đối với Nhà nước, xã hội và công dân.  1. ***Về kĩ năng :***   Biết đánh giá hành vi xử sự của bản thân và của những người xung quanh theo các chuẩn mực của pháp luật.   1. ***Về thái độ :***   Có ý thức tôn trọng pháp luật và luôn xử sự theo đúng quy định của pháp luật. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà. | Mục 2. Bản chất của pháp luật Hướng dẫn học sinh tự học Mục 3a, 3b. Quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị.  Khuyến khích học sinh tự học  Bài tập 8 Không yêu cầu học sinh làm |
|  |  |  |  | ***4. Về phẩm chất, năng lực*** |  |  |
|  |  |  |  | - Phẩm chất: trung thực, tự trọng, kỷ luật, công tâm. |  |  |
|  |  |  |  | - Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống, NL giao tiếp và hợp tác, NL ứng dụng công nghệ thông tin, NL  tự quản lí và phát triển bản thân, NL tư duy phê phán… |  |  |
| **2** | **Bài 2**: Thực hiện | 3 | 3 | ***1. Về kiến thức*** | Dạy học trên lớp | **Tiết 1,2 :** GV có thể sử dụng tranh, |
|  | pháp luật. |  | 4 | - Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật, | kết hợp với hướng | ảnh, tài liệu hay các tình huống PL |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | 5 | các hình thức thực hiện pháp luật.  - Hiểu được thế nào là vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.   1. ***Về kĩ năng***   Biết cách thực hiện pháp luật phù hợp với lứa tuổi.   1. ***Về thái độ***   Tôn trọng pháp luật ; ủng hộ những hành vi thực hiện đúng pháp luật và phê phán những hành vi làm trái quy định của pháp luật.   1. ***Về phẩm chất, năng lực*** | dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà.  Hoạt động trải nghiệm tại lớp học. | để dạy phần này.  ***Mục 1c.*** *Các giai đoạn thực hiện pháp luật (*Không dạy)  ***Mục 2b.*** *Trách nhiệm pháp lí (*Hướng dẫn học sinh tìm ví dụ về trách nhiệm pháp lí và mục đích của việc áp dụng trách nhiệm pháp lí)  **Tiết3:**  ***Mục 2c:*** *Các loại vi phạm và trách nhiệm pháp lí.*  Phần này GV có thể cho HS thực hiện các hoạt động trải nghiệm trên cơ sở GV phân công các nhóm chuẩn bị trước 4 tình huống và các câu hỏi theo 4 loại vi phạm pháp luật.  GV có thể cho HS nêu việc làm được, chưa được, Cách khắc phục việc chưa làm được?  Bài này GV cũng có thể cho học sinh đóng tình huống theo sự phân công của giáo viên, HS chuẩn bị và trình bày trên lớp, GV kết luận  Cho học sinh xem video về những hình thực thực hiện pháp luật, những mẫu chuyện pháp luật. |
|  | - Phẩm chất: trung thực, tự trọng, kỷ luật. |  |
|  | -Năng lực chung |  |
|  | + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu. |  |
|  | + Năng lực xử lý tình huống |  |
|  | - Năng lực chuyên biệt |  |
|  | + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội |  |
|  | + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình |  |
|  | *Thực hành: Tìm* | **1** | 6 | *1.* ***Kiến thức****:*  - Giúp HS thấy rõ việc thực hiện Luật an toàn giao thông hiện nay và giáo dục pháp  luật an toàn giao thông trong trường học là | Hoạt động trải | I.Tình hình thực hiện Pháp luật trật |
| *hiểu pháp luật về* |  |  | nghiệm: | tự ATGT hiện nay: |
| *trật tự an toàn* |  |  | - Có thể dạy học | II. Những quy định cơ bản của |
| *giao thông* |  |  | bằng giáo án điện | pháp luật trật tự ATGT đường bộ: |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | *đường bộ* |  |  | nhiệm vụ thường xuyên và cần thiết.  - Cung cấp HS những hiểu biết cơ bản, những quy tắc xử sự thường gặp khi tham gia giao thông thường ngày.   1. ***Kỹ năng***: Rèn luyện kỹ năng nhận biết những quy định về kỷ thuật và hệ thống biển báo thường gặp khi tham gia giao thông. 2. ***Thái độ***: Hình thành thái độ, hành vi tự giác chấp hành pháp luật trật tự ATGT và có ý thức bảo vệ tính mạng, tài sản của   mình cũng như của người khác.   1. ***Về phẩm chất, năng lực***   - Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư.  **-** Các năng lực hướng tới phát triển ở HS: Năng lực tự học, giao tiếp và hợp tác. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực tự quản lí và phát triển bản thân. Năng lực  tư duy phê phán… | tử. Hình thức rung chuông vàng hoặc đường lên đỉnh Ôlympia,ai là triệu phú, đuổi hình bắt chữ.  - Có thể tổ chức trên lớp hoặc tổ chức tập trung cả khối 12. | * GV chuẩn bị hệ thống các câu hỏi về pháp luật an toàn giao thông đường bộ và một số tình huống để học sinh xử lí, giải quyết. * Trên cơ sở hoạt động trải nghiệm GV cho HS đưa ra ý kiến nhận định của bản thân để đánh giá, xử lí những vấn đề liên quan đến thực tế cuộc sống mà các em thường gặp. |
| **3** | **Chủ đề:** Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.   1. *Công dân bình đẳng trước pháp luật.* 2. *Quyền bình đẳng của công dân trong một số*   *lĩnh vực của đời* | **4** | 7  8  9  10 | ***1. Về kiến thức***   * Hiểu được thế nào là công dân bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí. * Nêu được khái niệm, quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình..  1. ***Về kĩ năng***   Biết thực hiện và nhận xét việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực hôn nhân và gia đình.   1. ***Về thái độ***   - Tôn trọng quyền bình đẳng của công dân trong cuộc sống hằng ngày. | Dạy học trên lớp, kết hợp với hướng dẫn học sinh tự học và khuyến khích học sinh tự học ở nhà. | Mục 3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo  đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (Khuyến khích học sinh tự học)  Mục 1b, 2b, 3b. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, trong lao động, trong kinh doanh.( Hướng dẫn học sinh tự học)  Mục 1c, 2c, 3c. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng trong hôn nhân và  gia đình, trong lao động, trong kinh |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | *sống xã hội.* |  |  | - Phê phán những hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân.  ***4. Về phẩm chất, năng lực***   * Phẩm chất: trung thực, nhân ái, khoan dung; tự trọng, tôn trọng sự khác biệt. * Năng lực cần hướng tới   + Năng lực chung: Năng lực nhận thức, tự  tìm hiểu các quyền bình đẳng trong các lĩnh vực xã hội. Năng lực xử lý tình huống.  + Năng lực chuyên biệt: Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội. Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình |  | doanh.(Không dạy)  **Tiết 1**:  **Mục I.** Công dân bình đẳng trước pháp luật.  **Mục 1,2** Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.  Phần này Gv có thể sử dụng thêm tranh, ảnh, tài liệu hay các tình huống PL cụ thể liên quan đến đơn vị kiến thức cần tìm hiểu để xử lí, giải quyết các vấn đề trong thực tế đời sống. GV Giúp HS đưa ra nhiều ví dụ cụ thể.  **Tiết 2:**  **Mục II.** Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.  **Mục 1**. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.  ***Mục 1b.*** *Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.*  GV Hướng dẫn học sinh nêu một số ví dụ về quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình*.*  ***Mục 1c.*** *Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình . (*Học sinh tự học)  GV cũng có thể cho HS hoàn thành nội dung theo phiếu học tập  và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm để |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | củng cố nội dung kiến thức đã học. GV cũng có thể gợi ý cho  HS đưa ra ý kiến nhận định của bản thân để đánh giá, xử lí những vấn đề liên quan đến thực tế cuộc sống.  **Tiết 3,4.**  GV cũng có thể xây dựng kế hoạch cho học sinh thực hành trải nghiệm và để học sinh thể hiện quyền bình đẳng của mình trong cuộc sống được pháp luật thừa nhận  ***Mục 2b, 3b.*** *Nội dung bình đẳng, trong lao động, trong kinh doanh.*  *(*Hướng dẫn học sinh nêu một số ví dụ bình đẳng trong lao động, bình đẳng |
| 4 | **Ôn tập**  **Kiểm tra giữa HK 1** | 1 | 11 | ***1. Về kiến thức***   * Giúp học sinh hệ thống hoá các kiến thức cơ bản trong các bài đã học. * Biết liên hệ trong thực tiến cuộc sống.   ***2. Về kĩ năng***   * Kĩ năng nắm kiến thức và sắp xếp kiến thức. * Kĩ năng vận dụng kiến thức, so sánh và đánh giá.   ***3. Về thái độ***  - Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra. | - HS làm bài tập trắc nghiệm tại lớp và ôn tập ở nhà. | GV chuẩn bị đề cương câu hỏi trắc nghiệm và các bài tập tình huống hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.theo giới hạn ôn tập của Sở GD. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | ***4. Về phẩm chất, năng lực***   * Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư. * Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống |  |  |
| **5** | **Kiểm tra giữa học kì 1** | 1 | 12 | 1. ***Về kiến thức***:   Nhằm kiểm tra HS kiến thức học sinh đạt được; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình   1. ***Về kĩ năng***  * Kĩ năng nắm kiến thức và sắp xếp kiến   thức. Kĩ năng vận dụng kiến thức, so sánh và đánh giá.   * Kĩ năng làm bài tập trắc nghiệm.   ***3. Về thái độ***   * Sự chuyên cần trong học tập. * Có ý thức tự giác.   ***4. Về phẩm chất, năng lực***   * Phẩm chất: trung thực, nhân ái, khoan dung; tự trọng, tôn trọng sự khác biệt. * Năng lực cần hướng tới   + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các tri thức xã hội  + Năng lực xử lý tình huống  + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội  + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình | Kiểm tra tập trung | Theo kế hoạch của Sở GD & ĐT. |
| 7 | **Bài 5**: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn  giáo. | 2 | 13  14 | ***1. Về kiến thức***  - Nêu được, nội dung, ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.  ***2. Về kĩ năng*** | Dạy học trên lớp kết hợp với khuyến khích học  sinh tự học ở nhà. | Chú ý:  ***Mục 1a****. Khái niệm dân tộc (*Không dạy)  Phần này Gv có thể sử dụng |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | * Phân biệt được những việc làm đúng và sai trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. * Biết xử sự phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.   ***3. Về thái độ***   * Ủng hộ chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. * Có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo và phê phán những hành vi gây chia rẽ giữa các dân tộc, tôn giáo.  1. ***Về phẩm chất, năng lực***    * Phẩm chất: trung thực, nhân ái, khoan dung; tự trọng, tôn trọng sự khác biệt.    * Năng lực: Tự học, giải quyết tình huống,   thảo luận nhóm, liên hệ thực tiễn, khai thác nội dung SGK... |  | tranh, ảnh, tài liệu cụ thể liên quan đến Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo các vấn đề sát thực trong thực tế đời sống , để HS tham gia thảo luận.  Mục 1d, 2d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn  giáo.( Khuyến khích học sinh tự học)  ***Câu hỏi/bài tập 1,4*** *(*Không yêu cầu học sinh làm)  GV có thể tổ chức trò chơi trên cơ sở nội dung bài học trong khoảng thời gian 20-25 phút sau của tiết 2. |
| 8 | **Bài 6**: Công dân với các quyền tự do cơ bản. | **4**  ( Học 2tiết) | 15  16 | ***1. Về kiến thức***   * Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa của một số quyền tự do cơ bản của công dân. * Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của   công dân.  ***2. Về kĩ năng***   * Biết thực hiện các quyền tự do về thân thể và tinh thần của công dân. * Phân biệt những hành vi thực hiện đúng và hành vi xâm phạm quyền tự do về thân thể | Dạy học trên lớp kết hợp với khuyến khích học sinh tự học ở nhà. | **Chú ý cho cả bài 6:**  Mục 1a, 1b, 1c. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm,  quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. (Khuyến khích học sinh tự học)  Mục 2a. Trách nhiệm của Nhà nước. (Khuyến khích học sinh tự học) |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | và tinh thần của công dân.  ***3. Về thái độ***  - Có ý thức bảo vệ quyền tự do cơ bản của mình và tôn trọng quyền tự do cơ bản của người khác.  ***4. Về phẩm chất, năng lực***   * Phẩm chất: Yêu gia đình, yêu quê hương đất nước; nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư; * Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống |  | Câu hỏi/bài tập 8.Không yêu cầu học sinh trả lời |
| 10 | **Ôn tập**  **Kiểm tra cuối HK 1** | 1 | 17 | ***1. Về kiến thức***   * Giúp học sinh hệ thống hoá các kiến thức cơ bản trong các bài đã học. * Biết liên hệ trong thực tiến cuộc sống.   ***2. Về kĩ năng***   * Kĩ năng nắm kiến thức và sắp xếp kiến thức. * Kĩ năng vận dụng kiến thức, so sánh và đánh giá.   ***3. Về thái độ***  - Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.  ***4. Về phẩm chất, năng lực***   * Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư. * Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống | - HS làm bài tập trắc nghiệm tại lớp và ôn tập ở nhà. | GV chuẩn bị đề cương câu hỏi trắc nghiệm và các bài tập tình huống hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.theo giới hạn ôn tập của Sở GD. |
| 11 | **Kiểm tra cuối HK 1** | 1 | 18 | ***1. Về kiến thức***   * Nhằm kiểm tra mức độ đạt được của học sinh so với yêu cầu của chương trình * Giúp GV đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp | Kiểm tra tập trung. | Theo kế hoạch của Sở GD & ĐT. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả  ***2. Về kĩ năng***   * Kĩ năng nắm kiến thức và sắp xếp kiến thức. * Kĩ năng vận dụng kiến thức, so sánh và đánh giá. * Kĩ năng làm bài tập trắc nghiệm.   ***3. Về thái độ***   * Sự chuyên cần trong học tập. * Có ý thức tự giác.   ***4. Về phẩm chất, năng lực***   * Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư. * Năng lực cần hướng tới   + Năng lực xử lý các bài tập tình huống  + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình |  |  |
| **HỌC KÌ II ( 17 Tuần/ 17 tiết)** | | | | | | |
| 12 | **Bài 6**: Công dân với các quyền tự do cơ bản.( tiếp theo) | **Dạy 2 tiết theo.**) | 19  20 | **1.Về kiến thức:**   * Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa của các Quyền bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại , điện tín ; Quyền tự do ngôn luận của CD. * Trình bày được trách nhiệm của CD trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của CD.   **2.Về kĩ năng:**  - Biết phân biệt những hành vi thực hiện | Dạy học trên lớp kết hợp với khuyến khích học sinh tự học ở nhà. | **Chú ý cho cả bài 6:**  Mục 1a, 1b, 1c. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm,  quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân. Khuyến khích học sinh tự học  Mục 2a. Trách nhiệm của Nhà |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | đúng và hành vi xâm phạm quyền tự do cơ bản của công dân.  - Biết tự bảo vệ mình trước các hành vi xâm phạm của người khác.  **3.Về thái độ:**   * Có ý thức bảo vệ các quyền tự do cơ bản của mình và tôn trọng các quyền tự do cơ bản của người khác * Biết phê phán các hành vi xâm phạm tới các quyền tự do cơ bản của công dân.   ***4. Về phẩm chất, năng lực***  - Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư.  **-** Năng lực: Phát triển năng lực tự học, tư duy, so sách, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống thực tiễn.. |  | nước. Khuyến khích học sinh tự học  Câu hỏi/bài tập 8.Không yêu cầu học sinh trả lời  **Tiết 3,4:**  ***Mục 1d, 1e***  **-** Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.  - Quyền tự do ngôn luận.  GV có thể sử dụng tranh, ảnh, tài liệu, tình huống PL cụ thể liên quan đến nội dung bài học.  GV cũng có thể cho HS hoàn thành nội dung theo phiếu học tập và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm để củng cố nội dung kiến thức đã học. |
| 13 | **Bài 7:** Công dân với các quyền dân chủ. | 3 | 21  22  23 | ***1. Về kiến thức***   * Nắm được khái niệm, nội dung, ý nghĩa   *của quyền bầu cử và quyền ứng cử của công dân;Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội; Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân .*   * Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền dân chủ của công dân.   ***2. Về kĩ năng***   * Biết thực hiện quyền dân chủ theo đúng quy định của pháp luật. * Phân biệt được những hành vi thực hiện đúng và không đúng các quyền dân chủ của   công dân. | Dạy học trên lớp kết hợp với khuyến khích học sinh tự học ở nhà. | Mục 1b. Những trường hợp không được thực hiện quyền ứng cử(Không dạy)  Mục 1b. Cách thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các đại biểu và cơ qian quyền lực nhà nước-cơ quan đại biểu của nhân dân (Khuyến khích học sinh tự học)  Mục 1c.2c, 3c. Ý nghĩa của quyền bầu cử và quyền ứng cử của công dân, quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội,  quyền khiếu nại, tố cáo của công |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | ***3. Về thái độ***   * Tích cực thực hiện quyền dân chủ của mình. * Tôn trọng quyền dân chủ của mọi người. * Phê phán những hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân.  1. ***Về phẩm chất, năng lực***    * Phẩm chất: Trách nhiệm, nhân ái, trung thực, tự trọng, chí công vô tư.    * Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống |  | dân. (Khuyến khích học sinh tự học)  Mục 3b. Quy trình khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo(Khuyến khích học sinh tự học)  Mục 4a. Trách nhiệm của Nhà nước(Khuyến khích học sinh tự học)  Câu hỏi/bài tập 1 (Không yêu cầu học sinh làm) |
|  | Tìm hiểu Luật phòng chống tham nhũng | 1 | 24 | **1.- Kiến thức**: Giúp HS năm được một số nội dung cơ bản của luật phòng chống tham nhũng.  **2- Kĩ năng:** Rèn luyện lĩ năng so sánh, đánh giá và giải quyết các vấn đề phát sinh trong cuộc sống.  **3.- Thái độ**: Phê phán, đấu tranh chống lại các hành vi tham nhũng cũng như các tiêu cực khác trong xã hội.  ***4. Về phẩm chất, năng lực***  - Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư.  - Các năng lực hướng tới:  Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL  ứng dụng công nghệ thông tin, NL tự quản lí và phát triển bản thân, NL tư duy phê phán… | -Cá nhân  -Cả lớp  -Thảo luận nhóm | 1. Giới thiệu khái quát về luật phòng chống tham nhũng. 2. Một số nội dung cơ bản của luật phòng chống tham nhũng.  * Khái niệm tham nhũng. * Trách nhiệm của cơ quan, tổ   chức, đơn vị và doanh nghiệp, tổ  chức khu vực ngoài nhà nước trong phòng, chống tham nhũng (Điều 4.)  + Xử lý người có hành vi tham nhũng và tài sản tham nhũng  + Xử lý người có hành vi tham nhũng (Điều 92.)   * Xử lý tài sản tham nhũng (Điều 93. * Quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | (Điều 5.)  +. Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật;….  +. Công dân có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng. |
| 15 | **Ôn tập**  **Kiểm tra giữa HK II** | 1 | 25 | ***1. Về kiến thức***  - Giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức cơ bản đã học.  ***2. Về kĩ năng***  - Có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn .  ***3. Về thái độ***  - Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.  ***4. Về phẩm chất, năng lực***  Phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, trung thực, tự trọng.  Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống. | - Dạy học trên lớp kết hợp với khuyến khích học sinh tự học ở nhà. | GV hướng dẫn học sinh hệ thống hóa lại toàn bộ kiến thức các bài mà HS đã học.  GV chuẩn bị đề cương câu hỏi trắc nghiệm và các bài tập tình huống hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.theo giới hạn ôn tập của Sở GD. |
| 16 | **Kiểm tra giữa HK II** | 1 | 26 | ***1. Về kiến thức***  - Nhằm kiểm tra HS kiến thức học sinh đạt được; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình  ***2. Về kĩ năng***  - Kĩ năng nắm kiến thức và sắp xếp kiến thức. | Kiểm tra tập trung. | Theo kế hoạch của Sở GD & ĐT. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | * Kĩ năng vận dụng kiến thức, so sánh và đánh giá. * Kĩ năng làm bài tập trắc nghiệm.   ***3. Về thái độ***   * Sự chuyên cần trong học tập. * Có ý thức tự giác.   ***4. Về phẩm chất, năng lực***  - Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư.  *- Năng lực:* Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các tri thức xã hội*.* Năng lực xử lý tình huống  Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình |  |  |
|  | **Bài 8**: Pháp luật với sự phát triển của công dân |  | 27  28  29 | ***1. Về kiến thức***   * Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân. * Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân.  1. ***Về kĩ năng***   Biết thực hiện và có khả năng nhận xét việc thực hiện các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân theo quy định của pháp luật.   1. ***Về thái độ***   Có ý thức thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển của mình ; tôn trọng các quyền đó của người khác.   1. ***Về phẩm chất, năng lực***   Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, trung thực, tự trọng. | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn và khuyến khích học sinh tự học ở nhà. | Chú ý:Mục 2. Ý nghĩa quyền học  tập, sáng tạo và phát triển của công dân. -Khuyến khích học sinh tự học  Mục 3. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân  Hướng dẫn HS tự học  Câu hỏi/bài tập 2-  -Không yêu cầu học sinh làm  . |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống. |  |  |
| 17 | **Bài 9:** Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước. | 2 | 30  31  32 | ***1. Về kiến thức***  - Trình bày được một số nội dung cơ bản của pháp luật trong việc phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường  ***2. Về kĩ năng***  Biết thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo vệ an ninh, quốc phòng  theo quy định của pháp luật.  ***2. Về kĩ năng***   * Tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật về kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo vệ an ninh, quốc phòng. * Có thái độ phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về các lĩnh vực trên.   ***4. Về phẩm chất, năng lực***  + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các tri thức xã hội  + Năng lực xử lý tình huống  + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội  + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình | Dạy học trên lớp kết hợp với hướng dẫn và khuyến khích học sinh tự học ở nhà. | **Chú ý cho cả bài 9:**  Mục 1. Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước  Mục 2b. Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển văn hóa Khuyến khích học sinh tự học 2 nội dung trên  Mục 2d, 2e. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về quốc phòng, an ninh. Hướng dẫn học sinh tự học  Câu hỏi/bài tập 4,5- Không yêu cầu hs làm  . |
| 19 | Bài 10:Pháp luật với hòa bình  **Ôn tập**  **Kiểm tra cuối** | 1 | 33 | ***1. Về kiến thức***  - Giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức cơ bản đã học.  ***2. Về kĩ năng*** | -  Dạy học trên lớp kết hợp với khuyến khích học  sinh tự học ở nhà. | Cả bài không dạy  GV hướng dẫn học sinh hệ thống hóa lại toàn bộ kiến thức các bài mà HS đã học. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **HK II (tHEO MA**  **TRẬN CỦA sỞ)** |  |  | - Có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn .  ***3. Về thái độ***  - Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.  ***4. Về phẩm chất, năng lực***  Phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, trung thực, tự trọng.  Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống. | - HS tham gia các hình thức trải nghiệm do GV xây dựng. | Phần này GV có thể linh động trong việc sử dụng hình thức để ôn tập cho học sinh.( Rung chuông vàng hoặc chia nhóm để HS tham gia trò chơi đố vui để học..)  -GV hướng dẫn học sinh làm bài tập TN |
|  | **Kiểm tra cuối HK II** |  | 34 | ***1. Về kiến thức***  - Nhằm kiểm tra mức độ đạt được của học sinh so với yêu cầu của chương trình  ***2. Về kĩ năng***   * Kĩ năng nắm kiến thức và sắp xếp kiến thức. * Kĩ năng vận dụng kiến thức, so sánh và đánh giá. * Kĩ năng làm bài tập trắc nghiệm.   ***3. Về thái độ***   * Sự chuyên cần trong học tập. * Có ý thức tự giác trong học tập.   ***4. Năng lực cần hướng tới***  - Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư.  *- Năng lực:* Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các tri thức xã hội*.* Năng lực xử lý tình huống  Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình | Kiểm tra tập trung | Theo kế hoạch của Sở GD & ĐT |
| 20 | **Trả bài** | 1 | 35 | GV sửa bài thi nhằm giúp hs nhận ra những  nội sai sót cần sửa và khắc sâu kiến thức đã học | Kiểm tra tập trung. | Cá nhân và cả lớp |

## Phê duyệt của Ban Giám hiệu: Đại Lộc, ngày 04 tháng 0 9 năm 2022 Tổ trưởng chuyên môn

**Lương Thị Hoa**